

Phần I - Đặt vấn đề

1. Lý do chọn đề tài

Trong nền sản xuất hàng hóa có sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, vận động theo cơ chế thị trường dưới sự quản lý của nhà nước. Sự ra đời của các doanh nghiệp ngày càng nhiều và phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, vì vậy các doanh nghiệp phải đối mặt với xu thế cạnh tranh lẫn nhau. Nhất là trong bối cảnh hiện nay, một nền kinh tế mở cửa khi nước ta đã gia nhập tổ chức kinh tế thế giới (WTO) thì sự cạnh tranh đó lại trở nên gay gắt hơn, khốc liệt hơn, và mang tính chất sống còn của doanh nghiệp trên thị trường.

Như vậy điều đáng quan tâm ở đây là: Muốn đứng vững trên thị trường doanh nghiệp phải đặt ra phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả. Việc tiêu thụ thành phẩm và hạch toán doanh thu có ý nghĩa quyết định kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh đó.

Mục đích kinh doanh của bất cứ doanh nghiệp nào là lợi nhuận, lợi nhuận là mục tiêu cao nhất, là điều kiện tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, làm thế nào để tối đa hóa lợi nhuận? Đó là mối quan tâm hàng đầu của tất cả các doanh nghiệp. Một trong những yếu tố quan trọng để đạt được mục tiêu trên chính là quá trình tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa và hạch toán doanh thu. Đó là khâu cuối cùng trong quá trình sản xuất kinh doanh, tiêu thụ được thành phẩm để đưa lại doanh thu chứng tỏ doanh nghiệp đã thành công với mặt hàng mà mình đã lựa chọn. Muốn làm được điều đó đòi hỏi các nhà quản lý doanh nghiệp đề ra được một phương án tiêu thụ có kết quả, xây dựng được các chiến lược Marketing một cách sâu rộng và mạnh mẽ để đẩy nhanh công tác tiêu thụ thành phẩm của doanh nghiệp và có thể cạnh tranh được trên thị trường. Vì vậy mà kế toán doanh thu và xác định kết quả là khâu quan trọng trong toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp, là mối quan tâm hàng đầu và là nhiệm vụ thường xuyên chiến lược.

Nhận thức được tầm quan trọng của kế toán doanh thu và xác định kết quả trong doanh nghiệp. Đồng thời trong một thời gian thực tập tại doanh nghiệp với mong muốn đi sâu tìm hiểu thực tế nâng cao năng lực bản thân đưa kiến thức chuyên môn được trang bị trong nhà trường áp dụng vào thực tế nên em quyết định chọn đề tài “ **Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh**” tại Công ty cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hoá. Làm chuyên đề thực tập tốt nghiệp.

2. Mục đích nghiên cứu

Tổng hợp hệ thống hoá những vấn đề lý luận và thực tiễn về kế toán tiêu thụ và xác định kết quả trong các doanh nghiệp sản xuất.

Thu nhập phân tích đánh giá thực trạng công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả tại công ty.

Từ những kiến thức đã học cùng với việc tìm hiểu tình hình thực tế, đưa ra nhận xét đánh giá. Trên cơ sở đó đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện nội dung và phương pháp hạch toán tiêu thụ và xác định kết quả tại công ty.

3. Đối tượng nghiên cứu

Công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hoá.

4. Phạm vi nghiên cứu

- Về mặt không gian: Tập trung tìm hiểu tại phòng kế toán của Công ty Cổ phần Giấy Lam Sơn Thanh Hoá.

- Về mặt thời gian: Tập trung nghiên cứu tình hình của Công ty qua 3 năm 2010-2012.

- Thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Giấy Lam Sơn Thanh Hoá quý IV năm 2012..

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu, tham khảo tài liệu: Đọc, tham khảo, tìm hiểu các giáo trình do các giảng viên biên soạn để giảng dạy.

- Phương pháp thu thập thông tin tài liệu kế toán trực tiếp trên các chứng từ sổ sách và báo cáo kế toán. Đây là phương pháp chủ yếu trong suốt quá trình tìm hiểu thực tế. Để hiểu rõ quá trình luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận và việc ghi sổ dựa vào các chứng từ sổ sách. Dựa vào các báo cáo tài chính, sổ chi tiết để có số liệu về doanh thu và xác định kết quả, từ đó đánh giá được hoạt động của công ty.

- Phương pháp phân tích kinh doanh như phương pháp so sánh,

- Các phương pháp kế toán:

- + Phương pháp chứng từ.

- + Phương pháp tính giá.

- + Phương pháp tài khoản.

+ Phương pháp tổng hợp cân đối.

- Phương pháp điều tra phỏng vấn: Được sử dụng trong suốt quá trình thực tập

- Phương pháp thống kê: Dựa trên những số liệu đã được thống kê để phân tích, so sánh, đối chiếu từ đó nêu lên những ưu điểm, nhược điểm trong công tác kinh doanh nhằm tìm ra nguyên nhân và giả pháp khắc phục cho công ty nói chung và công tác kế toán tiêu thụ, xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

- Phương pháp nghiên cứu lý luận: Là tham khảo các tài liệu, các nguyên tắc, các chuẩn mực kế toán hiện hành.

- Phương pháp phân tích, đánh giá: Tìm hiểu thực trạng của đơn vị, để phân tích và đưa ra những nhận xét đánh giá về đơn vị.

- Phương pháp kế toán:

+ Phương pháp chứng từ kế toán: dùng để thu nhận thông tin kế toán.

+ Phương pháp tài khoản kế toán: dùng để hệ thống hoá thông tin kế toán.

+ Phương pháp tính giá: sử dụng để xác định giá trị của từng loại vật tư, hàng hoá ở những thời điểm nhất định và theo những quy tắc nhất định.

+ Phương pháp tổng hợp cân đối kế toán: sử dụng để tổng hợp số liệu từ các sổ kế toán theo các chỉ tiêu kinh tế tài chính cần thiết.

6. Kết cấu đề tài:

- Phần I – Đặt vấn đề

- Phần II - Nội dung và kết quả nghiên cứu chuyên đề tốt nghiệp gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hoá.

Chương 3: Một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hoá.

- Phần III – Kết luận và kiến nghị

Phần II - Nội dung và kết quả nghiên cứu

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất.

1.1. Một số vấn đề chung về doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm về doanh thu

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của bộ trưởng bộ tài chính thì:

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần tăng vốn chủ sở hữu.

- Doanh thu không gồm: khoản thu hộ cho bên thứ 3 và các khoản góp vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu.

$$\text{Doanh thu} = \text{số lượng hàng bán} * \text{đơn giá bán}$$

Thời điểm xác định doanh thu hàng hóa là thời điểm mà doanh nghiệp thực sự mất quyền sở hữu hàng hóa đó và người mua thanh toán tiền hoặc chấp nhận thanh toán. Khi đó mới được ghi doanh thu.

1.1.2. Khái niệm về Kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng về các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định và được xác định bằng cách so sánh giữa một bên là tổng doanh thu và thu nhập với một bên là tổng chi phí của các hoạt động kinh tế đã thực hiện. Nếu doanh thu và thu nhập từ các hoạt động lớn hơn chi phí thì doanh nghiệp có lãi (lợi nhuận); ngược lại, nếu doanh thu và thu nhập nhỏ hơn chi phí thì doanh nghiệp bị lỗ. Kết quả của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ được phản ánh thông qua chỉ tiêu lợi nhuận. Lợi nhuận của doanh nghiệp thương mại bao gồm: Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, lợi nhuận hoạt động tài chính và lợi nhuận khác.

Kết quả tiêu thụ hàng hóa được biểu hiện dưới chỉ tiêu lợi nhuận (hoặc lỗ) về tiêu thụ được tính như sau:

$$* \text{Kết quả kinh doanh} = \text{Tổng doanh thu} - \text{Tổng chi phí}$$

$$\text{- Lãi thuần} = \text{Lãi gộp} - (\text{Chi phí bán hàng} + \text{Chi phí QLDN})$$

$$\text{- Lãi gộp} = \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

$$\text{- Doanh thu thuần} = \text{Tổng doanh thu} - \text{các khoản giảm trừ doanh thu}$$

$$\text{- Các khoản giảm trừ doanh thu} = \text{chiết khấu thương mại} + \text{giảm giá hàng bán} + \text{DT hàng bị trả lại}$$

* Kết quả hoạt động tài chính:

$$\begin{array}{rcccl} \text{LN từ hoạt động} & & \text{TN hoạt động} & & \text{Chi phí hoạt động} \\ & & & & \\ \text{Tài chính} & = & \text{tài chính} & - & \text{tài chính} \end{array}$$

* Kết quả hoạt động khác :

$$\text{LN khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

* Tổng lợi nhuận trước thuế :

$$\begin{array}{rcccl} \text{Tổng LN} & & \text{LN từ hoạt động} & & \text{LN từ hoạt động} & & \text{LN từ hoạt} \\ & & & & & & \\ \text{trước thuế} & = & \text{kinh doanh} & + & \text{tài chính} & + & \text{động khác} \end{array}$$

* Lợi nhuận sau thuế là chênh lệch giữa lợi nhuận trước thuế với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1.3. Ý nghĩa công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh

Hoạt động kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh mang ý nghĩa sống còn, quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, là một trong những điều kiện để đạt được mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận và giải quyết các mối quan hệ tài chính, kinh tế, xã hội của doanh nghiệp. Bên cạnh đó kế toán doanh thu còn là điều kiện để doanh nghiệp đa dạng hóa các mặt hàng cũng như hạn chế loại sản phẩm không đem lại lợi ích nhằm khai thác triệt để nhu cầu thị trường, đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu dùng của xã hội. Ngoài ra còn góp phần nâng cao năng lực kinh doanh của doanh nghiệp, thể hiện kết quả của quá trình nghiên cứu, giúp doanh nghiệp tìm chỗ đứng và mở rộng thị trường. Đó cũng là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với nhà nước. Trong nền kinh tế quốc dân, hoạt động kế toán doanh thu góp phần khuyến khích tiêu dùng, hướng dẫn sản xuất phát triển để đạt được sự thích ứng tối ưu giữa cung cầu trên thị trường. Thông qua hoạt động kế toán doanh thu, sản xuất và tiêu dùng hàng hóa và tiền tệ, nhu cầu và khả năng thanh toán được điều hòa. Bên cạnh đó, kế toán doanh thu cũng góp phần giúp phát triển cân đối giữa các ngành nghề, khu vực trong toàn nền kinh tế. Doanh thu của mỗi doanh nghiệp chính là biểu hiện cho sự tăng trưởng kinh tế, là nhân tố tích cực tạo nên bộ mặt của nền kinh tế quốc dân.

1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh

Nhiệm vụ quan trọng và bao trùm nhất của kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là cung cấp một cách kịp thời, chính xác cho nhà quản lý và những người quan tâm đến hoạt động của doanh nghiệp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận

đạt được của doanh nghiệp. Từ đó nhà quản lý có thể phân tích, đánh giá và đưa ra những quyết định kinh doanh đúng đắn cho doanh nghiệp.

Những nhiệm vụ cụ thể của kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh bao gồm:

- + Theo dõi và phản ánh kịp thời, chi tiết hàng hóa ở tất cả các trạng thái: hàng trong kho, hàng gửi bán, hàng đang đi trên đường..., đảm bảo tính đầy đủ cho hàng hóa ở cả chỉ tiêu hiện vật và giá trị. Đồng thời giám sát chặt chẽ kết quả tiêu thụ của từng mặt hàng, sản phẩm, dịch vụ cụ thể.
- + Phản ánh chính xác doanh thu bán hàng, doanh thu thuần để xác định chính xác kết quả kinh doanh: Kiểm tra, đơn đốc, đảm bảo thu đủ, thu nhanh tiền bán hàng, tránh bị chiếm dụng vốn bất hợp pháp.
- + Phản ánh chính xác, đầy đủ, trung thực các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý phát sinh nhằm xác định kết quả kinh doanh cuối kỳ.
- + Phản ánh và giám sát tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch về tiêu thụ sản phẩm và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp như mức bán ra, lãi thuần...Cung cấp đầy đủ số liệu, lập quyết toán kịp thời, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nhà nước.

1.2. Phương pháp kế toán

1.2.1. Kế toán doanh thu trong doanh nghiệp sản xuất

* **Chứng từ sử dụng:** Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu 01-GTKT-3LL), hoá đơn bán hàng (Mẫu02-GTTT-3LL), phiếu xuất-nhập kho, phiếu thu-chi, bản kê bán lẻ hàng hoá, dịch vụ, đại lý, ký gửi, hợp đồng mua bán, sổ chi tiết bán hàng và một số sổ tổng hợp như: Sổ nhật ký, sổ cái, sổ chứng từ ghi sổ, bảng tổng hợp chứng từ cùng loại, bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

* **Tài khoản sử dụng:**

+TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”: phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong một kỳ hoạt động kinh doanh.

* **Kết cấu:** Là loại tài khoản doanh thu thuộc tài khoản trung gian nên không có số dư đầu và cuối kỳ

Bên nợ:

- Các khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại

- Số thuế phải nộp: thuế TTĐB, thuế xuất khẩu tính trên doanh thu bán hàng thực tế đã được xác định là tiêu thụ.

- Cuối kỳ, kết chuyển số dư trợ cấp, trợ giá sang TK 911

- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911

Bên có:

- Số doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng và đã được xác định là tiêu thụ.

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

*TK 511 có 5 TK cấp 2:

-TK 5111 “Doanh thu bán hàng hoá”

-TK 5112 “Doanh thu bán thành phẩm”

-TK 5113 “Doanh thu cung cấp dịch vụ”

-TK 5114 “Doanh thu trợ cấp, trợ giá”

-TK 5117 “Doanh thu bất động sản đầu tư”

+ TK 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”: dùng để phản ánh doanh thu của số hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ các doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là số tiền thu được do bán thành phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty...

*** Kết cấu:**

Bên Nợ:

-Số thuế tiêu thụ đặt biệt, thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu (nếu có)

-Trị giá hàng bán bị trả lại (theo giá tiêu thụ nội bộ)

-Khoản chiết khấu hàng bán thực tế phát sinh trong kỳ hạch toán

-Khoản giảm giá hàng bán

-Kết chuyển doanh thu nội bộ thuần sang TK 911

Bên Có:

-Tổng số doanh thu tiêu thụ nội bộ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ.

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

*TK 512 có 3 TK cấp 2:

-TK 5121 “Doanh thu bán hàng hoá”

-TK 5122 “Doanh thu bán các thành phẩm”

-TK 5123 “Doanh thu cung cấp dịch vụ”

1.2.1.1. Kế toán doanh thu theo các phương thức bán hàng

a. Phương thức bán buôn hàng hóa: là phương thức bán hàng cho các đơn vị thương mại, các doanh nghiệp sản xuất ...để thực hiện bán ra hoặc để gia công, chế biến rồi bán ra.

Trong bán buôn thường bao gồm hai phương thức sau:

+ Phương thức bán buôn qua kho: là phương thức bán buôn hàng hóa mà trong đó hàng bán phải được xuất từ kho bảo quản của doanh nghiệp. Bán buôn qua kho có hai hình thức.

Bán buôn qua kho theo hình thức giao hàng trực tiếp: bên mua cử đại diện đến kho của doanh nghiệp để nhận hàng. Doanh nghiệp xuất kho hàng hóa, giao hàng trực tiếp cho đại diện bên mua. Sau khi đại diện bên mua nhận đủ hàng, thanh toán tiền hoặc chấp nhận nợ, hàng hóa được xác định là tiêu thụ.

Bán buôn qua kho theo hình thức chuyển hàng (gửi hàng cho bên mua):

căn cứ vào hợp đồng đã ký kết, hoặc theo đơn hàng, doanh nghiệp xuất kho hàng hóa, dùng phương tiện vận tải của mình hoặc đi thuê ngoài, chuyển hàng đến kho của bên mua hoặc một địa điểm nào đó của bên mua quy định trong hợp đồng.

+ Phương thức bán buôn vận chuyển thẳng:

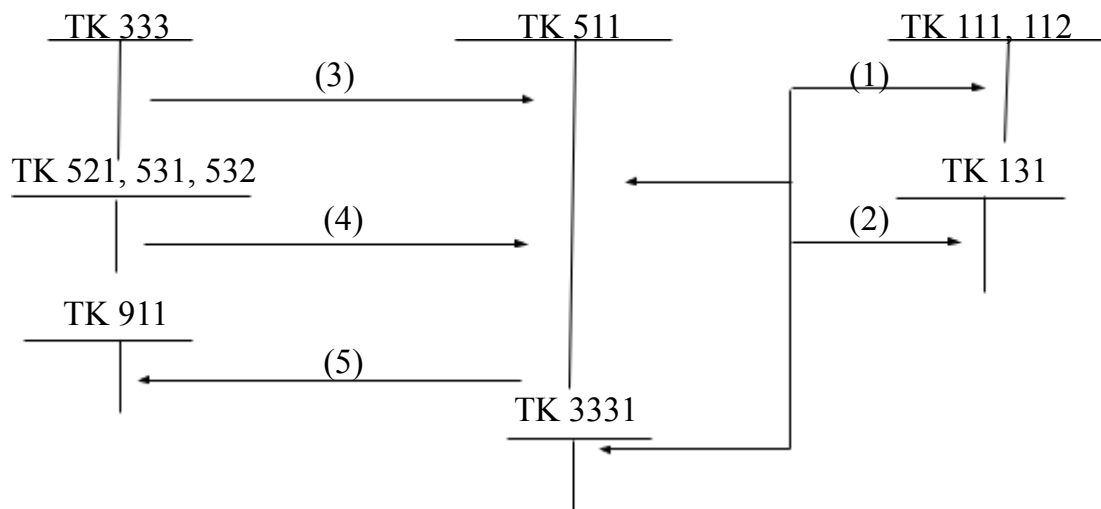
Doanh nghiệp sau khi mua hàng, nhận hàng mua, không đưa về nhập kho mà chuyển bán thẳng cho bên mua.

Bán buôn vận chuyển thẳng có hai hình thức:

Bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức giao hàng trực tiếp (hình thức giao tay ba hay bán buôn vận chuyển thẳng có tham gia thanh toán): Doanh nghiệp sau khi mua hàng, giao trực tiếp cho đại diện của bên mua tại kho người bán. Sau khi giao, nhận, đại diện của bên mua ký nhận đủ hàng, bên mua đã thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận nợ, hàng hóa được xác định là tiêu thụ.

Bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức chuyển hàng: Doanh nghiệp sau khi mua hàng, nhận hàng mua, dùng phương tiện vận tải của mình hoặc thuê ngoài vận chuyển hàng hóa đến giao cho bên mua ở địa điểm đã được thỏa thuận.

Trình tự hạch toán



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán doanh thu theo phương thức trực tiếp và phương thức chuyển hàng

b. Phương thức bán lẻ hàng hóa: Là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng hoặc các tổ chức kinh tế hoặc các đơn vị kinh tế tập thể mua về mang tính chất tiêu dùng nội bộ.

+ Đặc điểm:

- Hàng hóa đã ra khỏi lĩnh vực lưu thông và đi vào lĩnh vực tiêu dùng
- Giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa đã được thực hiện
- Bán đơn chiếc hoặc số lượng nhỏ, giá bán thường ổn định

+ Phương thức bán lẻ có các hình thức sau:

- Bán lẻ thu tiền tập trung: Nghiệp vụ thu tiền của người mua và nghiệp vụ giao hàng cho người mua tách rời nhau. Mỗi quầy hàng có một nhân viên thu tiền làm nhiệm vụ thu tiền của khách, viết hóa đơn hoặc tích kê cho khách để khách đến nhận hàng ở quầy hàng do nhân viên bán hàng giao.

Ưu điểm của phương thức này là ít xảy ra sai sót giữa tiền và hàng, nhưng có nhược điểm là mất nhiều thời gian của khách hàng, vì vậy hình thức bán hàng này chỉ áp dụng với những mặt hàng có giá trị cao.

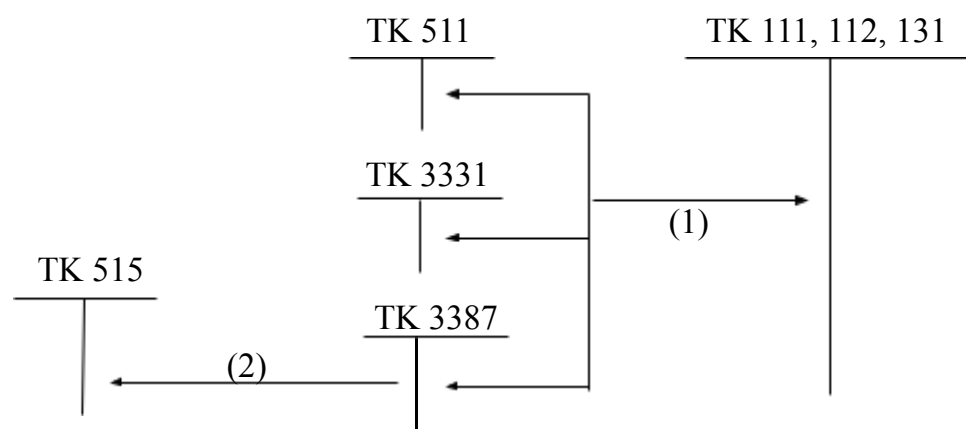
- Bán lẻ thu tiền trực tiếp: Nhân viên bán hàng trực tiếp thu tiền của khách và giao hàng cho khách. Cuối ngày hoặc cuối mỗi ca nhân viên bán hàng làm giấy nộp tiền, nộp tiền cho thủ quỹ, lập báo cáo bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.
- Bán lẻ tự phục vụ (tự chọn): Khách hàng tự chọn lấy hàng, mang đến bàn tính tiền và thanh toán tiền hàng. Nhân viên thu tiền kiểm hàng, tính tiền, lập hóa đơn bán hàng và thu tiền của khách hàng.

c. Phương thức bán hàng đại lý

Doanh nghiệp thương mại giao hàng cho cơ sở đại lý, ký gửi để các cơ sở này trực tiếp bán hàng. Bên nhận đại lý, ký gửi sẽ trực tiếp bán hàng và xác định kết quả kinh doanh, thanh toán tiền hàng cho doanh nghiệp thương mại và được hưởng hoa hồng đại lý bán.

d. Phương thức bán hàng trả chậm trả góp: Là phương pháp bán hàng mà người mua được trả tiền mua hàng thành nhiều lần trong một thời gian nhất định

và người mua phải trả cho doanh nghiệp bán hàng một số tiền lớn hơn giá bán trả tiền ngay một lần (bán hàng thu tiền nhiều lần)



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả góp

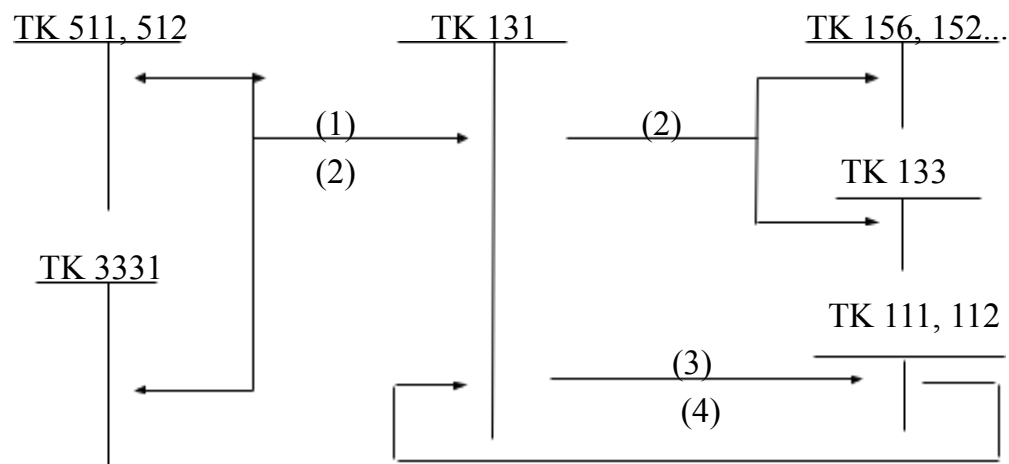
*Giải thích sơ đồ:

(1): Doanh thu bán hàng, thuế GTGT phải nộp và lãi phải thu

(2): Ghi nhận doanh thu tiền lãi bán hàng trả góp, trả chậm từng kỳ.

e. Phương thức hàng đổi hàng

- Là phương thức bán hàng không thu bằng tiền mà hàng hóa của doanh nghiệp giao cho đơn vị mua, ngược lại doanh nghiệp không thu tiền mà thu lại bằng hàng hóa của đơn vị mua do hai bên đã thỏa thuận với nhau.



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng

*Giải thích sơ đồ:

(1): Trị giá hàng đưa đi đổi

(2): Trị giá hàng nhận về

(3): Số tiền nhận thêm

(4): Số tiền trả thêm

Tk sử dụng:

- TK 156: Hàng hóa
- TK 111: Tiền mặt
- TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- TK 131: Phải thu khách hàng
- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 512: Doanh thu nội bộ
- TK 5211: Chiết khấu thương mại
- TK 5212: Hàng bán bị trả lại
- TK 5213: Giảm giá hàng bán
- TK 157: Hàng gửi bán
- TK 3331: Thuế GTGT đầu ra

1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Là số tiền người bán thưởng, giảm trừ cho khách hàng khi họ mua hàng. Các khoản giảm trừ doanh thu gồm có: giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, chiết khấu thương mại.

- **Giảm giá hàng bán:** là số tiền giảm trừ cho khách hàng do các nguyên nhân thuộc về người bán như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, giao hàng không đúng thời hạn, đại điểm trong hợp đồng, hàng lạc hậu.

+ TK sử dụng: TK 532 “giảm giá hàng bán”: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản tiền mà người bán giảm trừ cho người mua trên giá thỏa thuận của hai bên.

+ Kết cấu: Là loại tài khoản trung gian nên không có số dư đầu và cuối kỳ.

+ Nội dung ghi chép:

Nợ TK 532	Có TK 532
Phát sinh giảm	Phát sinh tăng
Giá trị giảm giá của thành phẩm, hàng hoá đã giảm cho khách hàng	Kết chuyển toàn bộ giá trị giảm giá hàng bán trong kỳ
Tổng số phát sinh nợ	Tổng số phát sinh có

- **Chiết khấu thương mại:** là các khoản mà người bán giảm trừ cho người mua với số lượng hàng hóa lớn. Chiết khấu thương mại được ghi trong các hợp đồng mua bán và cam kết mua bán hàng.

+ TK sử dụng: TK 521 “chiết khấu thương mại”: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản tiền người bán trừ cho người mua khi khách hàng mua với số lượng lớn. Chỉ hạch toán vào tài khoản này các khoản chiết khấu thương mại người mua được hưởng đã thực hiện trong kỳ quy định của nhà nước.

+ Kết cấu: Là loại tài khoản trung gian nên không có số dư đầu và cuối kỳ.

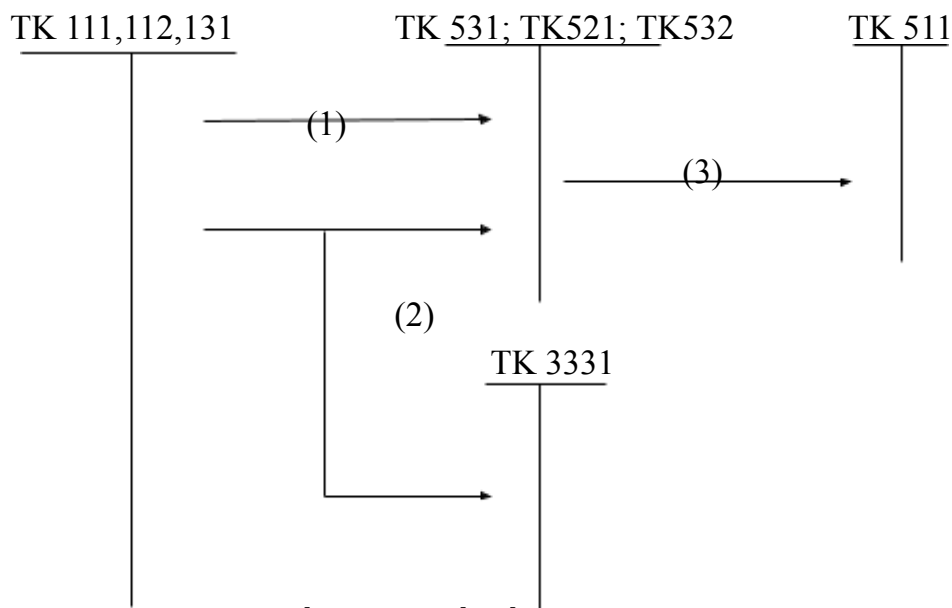
+ Nội dung ghi chép:

Nợ TK 521	Có TK 521
Phát sinh giảm	Phát sinh tăng
Giá trị chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho khách hàng được hưởng	Kết chuyển số chiết khấu thương mại phát sinh trong kỳ vào bên nợ TK 511
Tổng số phát sinh nợ	Tổng số phát sinh có

- **Hàng bán bị trả lại:** là số hàng đã được coi là tiêu thụ nhưng bị người mua trả lại và từ chối thanh toán. Tương ứng với hàng bán bị trả lại là giá vốn của hàng bán bị trả lại (tính theo giá vốn khi bán) và doanh thu của hàng bán bị trả lại cùng thuế gtgt đầu ra phải nộp của hàng bán bị trả lại.

- + TK sử dụng: TK 531 “ hàng bán bị trả lại”: Tài khoản này dùng để phản ánh số sản phẩm hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ bị khách hàng trả lại với nguyên nhân vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng không đúng chủng loại, sai quy cách.
- + Kết cấu: Là loại tài khoản trung gian nên không có số dư đầu và cuối kỳ.
- + Nội dụng ghi chép:

Nợ TK 531	Có TK 531
Phát sinh giảm	Phát sinh tăng
Giá trị của hàng hoá , thành phẩm bị trả lại	Kết chuyển trị giá của hàng hoá, thành phẩm bị trả lại
Tổng số phát sinh nợ	Tổng số phát sinh có



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

***Giải thích sơ đồ:**

(1):Phát sinh khoản giảm trừ doanh thu trong trường hợp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

(2): Phát sinh khoản giảm trừ doanh thu trong trường hợp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

(3):Cuối kỳ, kết chuyển Phát sinh khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.2. Phương pháp kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá trị mua vào của hàng hóa (đối với doanh nghiệp thương mại) hay giá thành sản xuất của sản phẩm, dịch vụ hoàn thành (đối với doanh nghiệp sản xuất).

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ kế toán liên quan

❖ Tài khoản sử dụng: TK 632 – Giá vốn hàng bán.

❖ Kết cấu tài khoản:

Theo phương pháp kê khai thường xuyên:

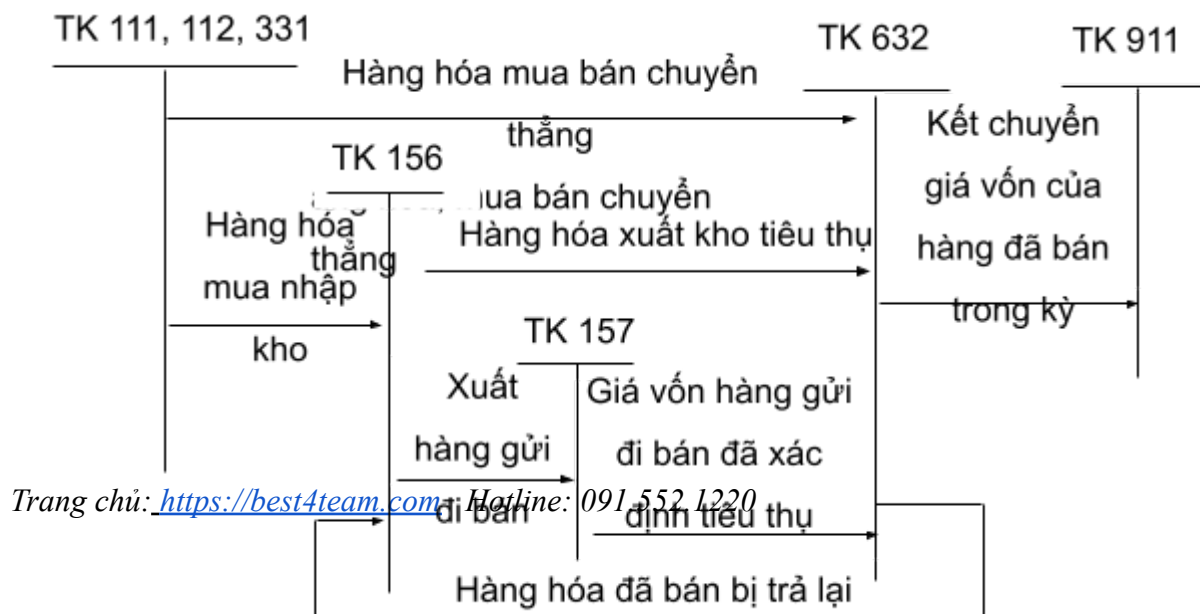
Bên Nợ:

- Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ, đã cung cấp trong kỳ.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ (không được tính vào giá trị hàng tồn kho).
- Giá trị hao hụt, mất mát của hàng tồn kho (sau khi đã trừ đi phần bồi thường).
- Chi phí tự xây dựng, chế tạo của các TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ.
- Trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước chưa sử dụng hết).

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính do số dự phòng năm nay nhỏ hơn năm trước.
- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ vào bên nợ TK 911.
- Trị giá hàng bán bị trả lại.

Số dư: TK 632 không có số dư cuối kỳ.



Sơ đồ 1.5.a: Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX

1.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng

Là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống, lao động vật hóa và các chi phí cần thiết khác phát sinh trong quá trình bảo quản tiêu thụ và phục vụ trực tiếp cho quá trình tiêu thụ hàng hóa.

Tài khoản sử dụng: TK 641 “chi phí bán hàng”: Dùng để tập hợp và kết chuyển các chi phí thực tế phát sinh trong kỳ liên quan đến tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của doanh nghiệp kể cả chi phí bảo quản tại kho hàng, quầy hàng.

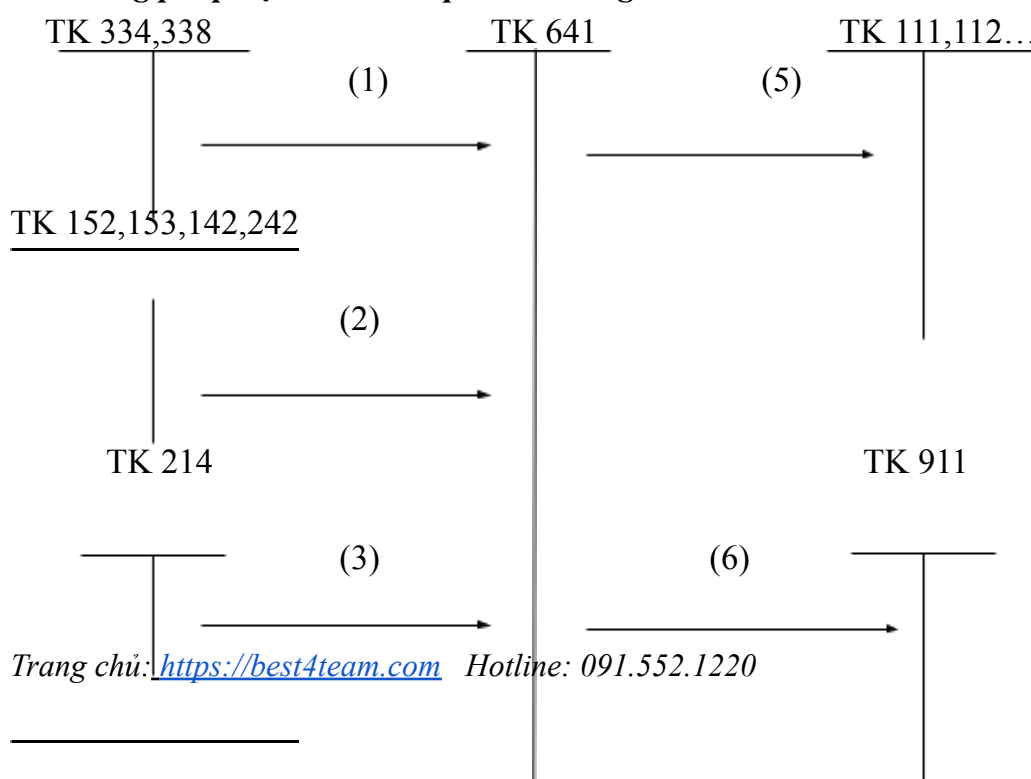
- Kết cấu: Là loại tài khoản chi phí nên không có số dư đầu và cuối kỳ

Bên Nợ: Chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ.

Bên Có: - Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng.

- Kết chuyển chi phí bán hàng trong kỳ vào bên Nợ TK 911.

*** Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng:**



TK 331,335,111,112

TK 242

(4)

(7)

(8)

TK 133



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kết toán Chi phí bán hàng

***Giải thích sơ đồ:**

(1): Tính trả lương và các khoản trích theo lương nhân viên quản lý, nhân viên bán hàng vào chi phí bán hàng.

(2): Các khoản chi về vật liệu đóng gói, bao bì, chi sửa chữa tài sản cố định.

(3): Trích khấu hao tài sản cố định trong hoạt động bán hàng

(4): Các khoản dịch vụ mua ngoài thanh toán điện nước, bưu chính, sửa chữa lớn các tài sản cố định.

(5): Các khoản giảm chi phí bán hàng

(6): Cuối kỳ, kết chuyển chi phí bán hàng để xác định kết quả kinh doanh.

(7): Kết chuyển các khoản chi liên quan đến đào tạo nhân viên, thuê mặt bằng, tìm thị trường... từ 2 độ kế toán trước sang TK 242.

(8): Ở niên độ kế toán sau, kết chuyển chi phí bán hàng trên TK 242 sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

1.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và các chi phí khác có liên quan đến hoạt động của toàn doanh nghiệp mà không thể xếp vào quá trình sản xuất hay tiêu thụ hàng hóa.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo có

- Các chứng từ liên quan khác

❖ Tài khoản sử dụng: TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

❖ Kết cấu tài khoản:

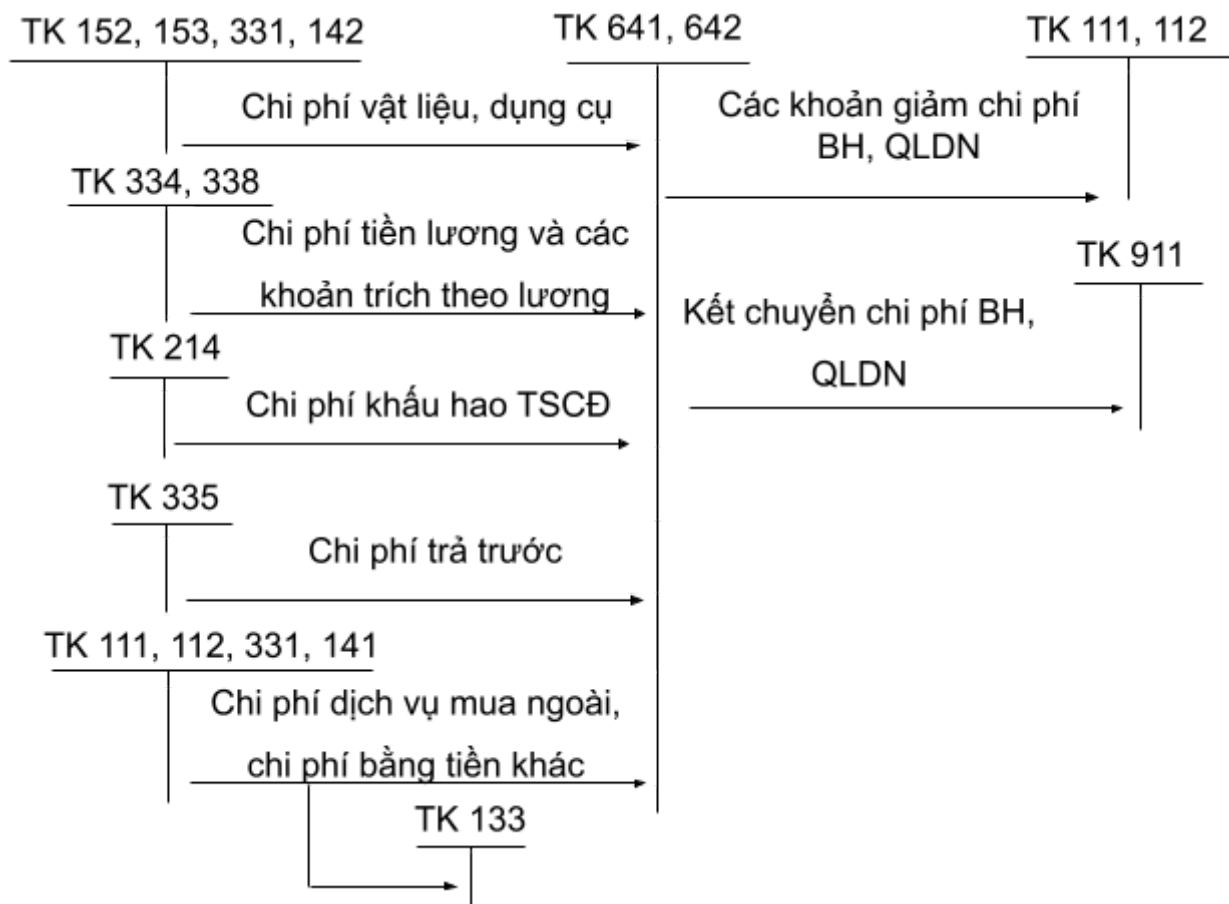
Bên Nợ:

- Chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.

Bên Có:

- Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ vào bên nợ TK 911.



Sơ đồ 1.6: Trình tự hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.2.4. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính

1.2.2.4.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

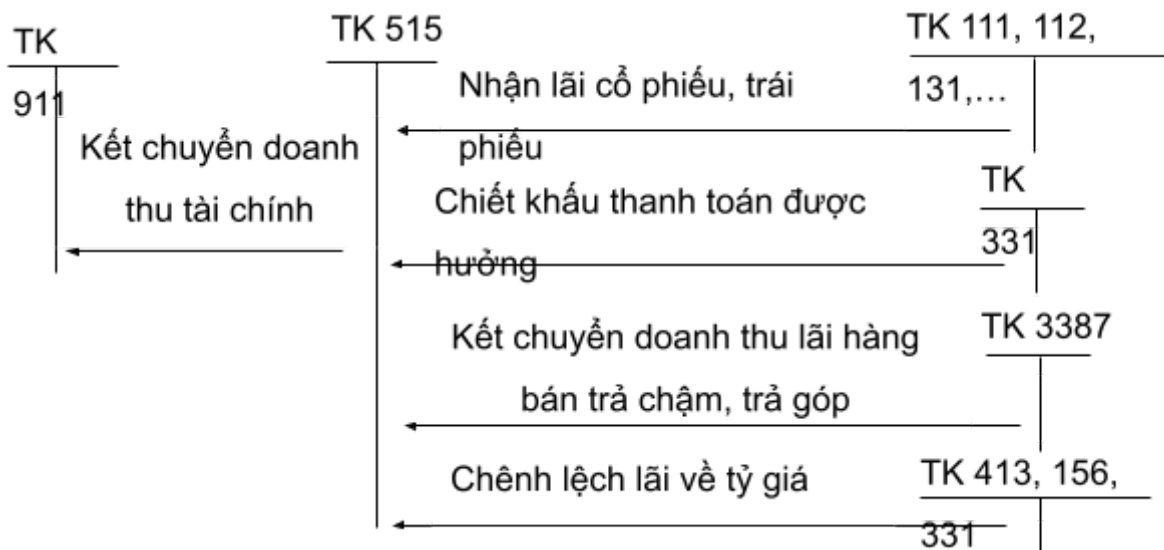
Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo có
- Phiếu thu
- Các chứng từ liên quan khác

❖ Tài khoản sử dụng:

TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính



Sơ đồ 1.3: Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

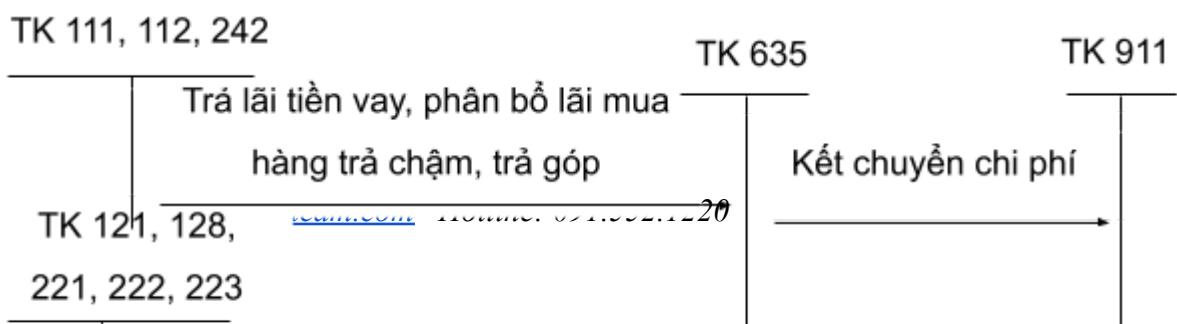
Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn,...

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi
- Giấy báo có
- Các chứng từ liên quan khác

❖ Tài khoản sử dụng:

TK 635 – Chi phí tài chính



Sơ đồ 1.7: Trình tự hạch toán chi phí tài chính

1.2.2.5. Kế toán doanh thu và chi phí khác

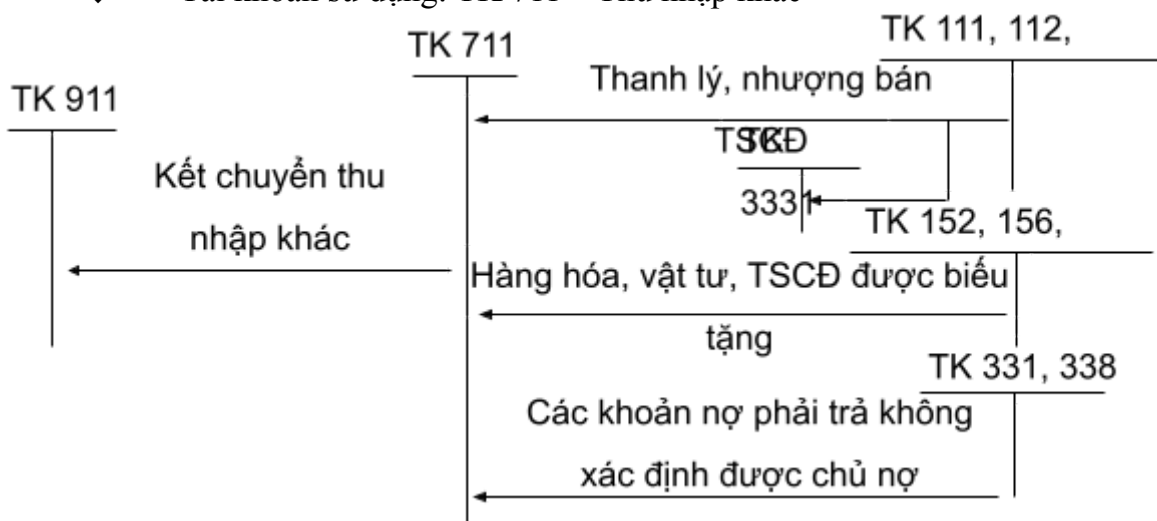
1.2.2.5.1. Kế toán doanh thu khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ; thu tiền khách hàng vi phạm hợp đồng; các khoản thu khác.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo có
- Phiếu thu
- Các chứng từ liên quan khác

❖ Tài khoản sử dụng: TK 711 – Thu nhập khác



Sơ đồ 1.4: Trình tự hạch toán thu nhập khác

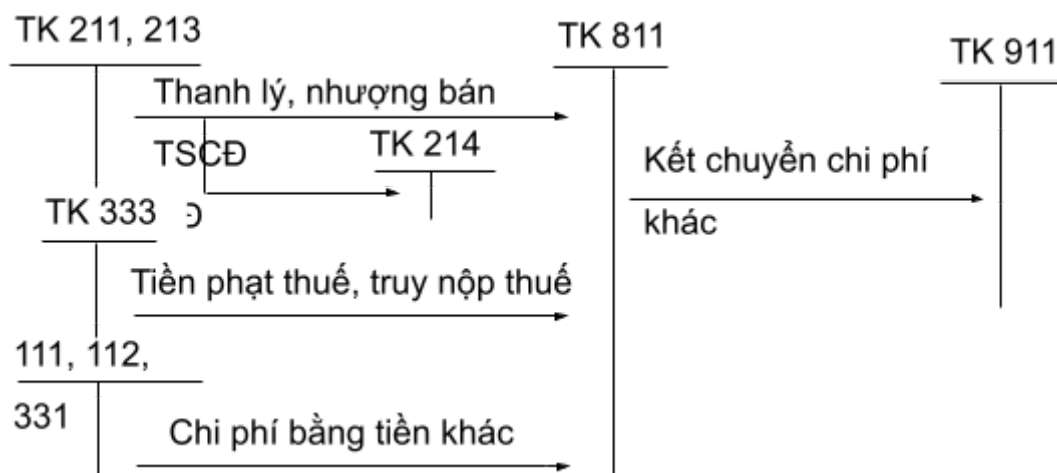
1.2.2.5.2. Kế toán chi phí khác

Chi phí khác bao gồm: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ; tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; bị phạt thuế, truy nộp thuế và các khoản chi phí khác.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Hợp đồng kinh tế
- Các chứng từ liên quan khác

Tài khoản sử dụng: TK 811 – Chi phí khác.



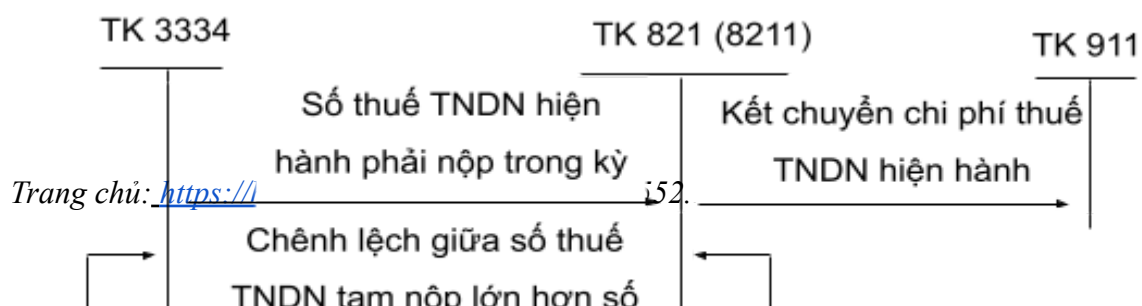
Sơ đồ 1.8: Trình tự hạch toán chi phí khác

1.2.2.6. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm báo cáo làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

❖ Tài khoản sử dụng:

TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

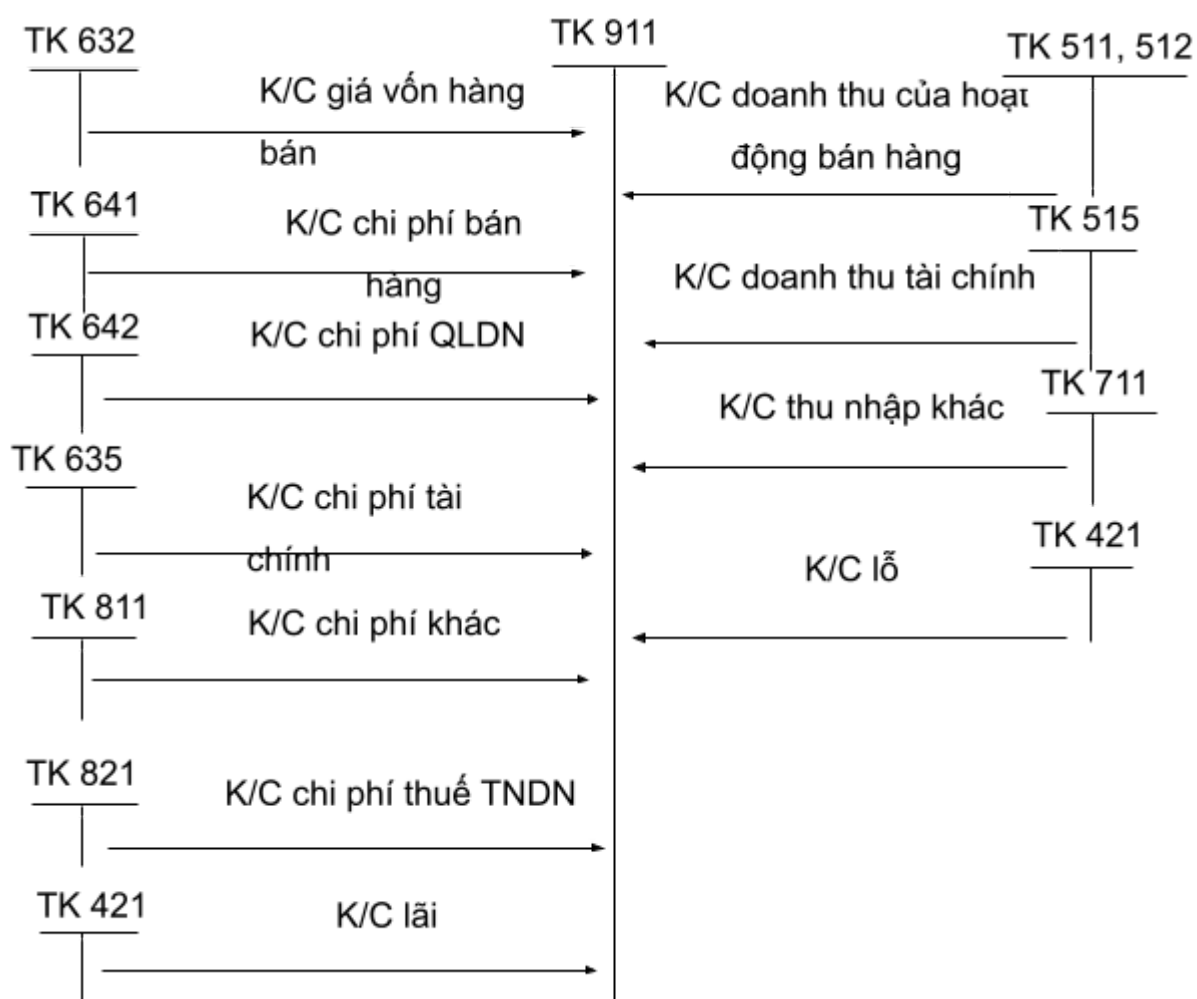


1.2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

❖ Tài khoản sử dụng:

TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.



Sơ đồ 1.10: Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh

1.3. Các hình thức ghi sổ kế toán

1.3.1. Hình thức kế toán nhật ký chứng từ.

Kế toán tổng hợp nhập, xuất vật liệu, công cụ dụng cụ được thực hiện trên nhiều sổ sách kế toán

* Các loại sổ để áp dụng hình thức sổ NKCT

- Nhật ký chứng từ sổ 5, 6, bảng kê 3, 4, 5, 6, Bảng phân bổ NVL – CCDC
- Sổ cái TK152, 153, sổ thẻ kế toán chi tiết NVL – CCDC
- Sổ chi tiết thanh toán với người bán

1.3.2.Hình thức kế toán nhật ký chung

Kế toán tổng hợp nhập, xuất vật liệu – công cụ dụng cụ đều được ghi vào nhật ký, mà trọng tâm là nhật ký chung.

* Các loại sổ để áp dụng hình thức sổ NKC

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái TK152, 153, sổ thẻ kế toán chi tiết NVL – CCDC

1.3.3.Hình thức kế toán nhật ký – sổ cái

Kế toán tổng hợp nhập, xuất vật liệu, công cụ dụng cụ khi có các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái

* Các loại sổ để áp dụng hình thức sổ NK - SC

- Nhật ký – Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết NVL – CCDC

1.3.4.Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

* Theo hình thức này, sổ kế toán được sử dụng bao gồm:

- Chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu
- Sổ (thẻ) – kế toán chi tiết NVL – CCDC, bảng tổng hợp chi tiết NVL – CCDC
- Sổ cái TK 152, TK153

1.3.5.Hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

Kế toán tổng hợp nhập, xuất vật liệu, công cụ dụng cụ được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy

định trên. Phần mềm kế toán không hiểm thi đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hoá.

2.1. Tổng quan về Công ty cổ phần giấy Lam sơn Thanh Hoá

2.1.1. Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần giấy Lam sơn Thanh Hoá

- Tên giao dịch tiếng Anh: LAMSON PAPER JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: LASPACO
- Trụ sở chính: Xã Vạn Thắng – Huyện Nông Cống – Tỉnh Thanh Hoá
- Điện thoại: 0378.739631/735 Fax: 0378.739095

*** Cơ sở pháp lý:** Quyết định thành lập số 2960/QĐ-UB ngày 05 tháng 11 năm 2001 của Chủ tịch UBND Tỉnh Thanh Hoá về việc: Chuyển Công ty giấy Lam Sơn Thanh Hoá thành Công ty cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hoá. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2603000028 ngày 09 tháng 09 năm 2008 (thay đổi lần 2).

*** Loại hình doanh nghiệp:** Công ty cổ phần

*** Ngành nghề kinh doanh:** Sản xuất, kinh doanh sản phẩm giấy các loại, bao bì và in trên bao bì, kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị nguyên liệu, vật liệu, hoá chất.

Lĩnh vực hoạt động của Công ty: . Sản xuất, kinh doanh sản phẩm giấy các loại, bao bì và in trên bao bì, kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị nguyên liệu, vật liệu, hoá chất.

2.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty:

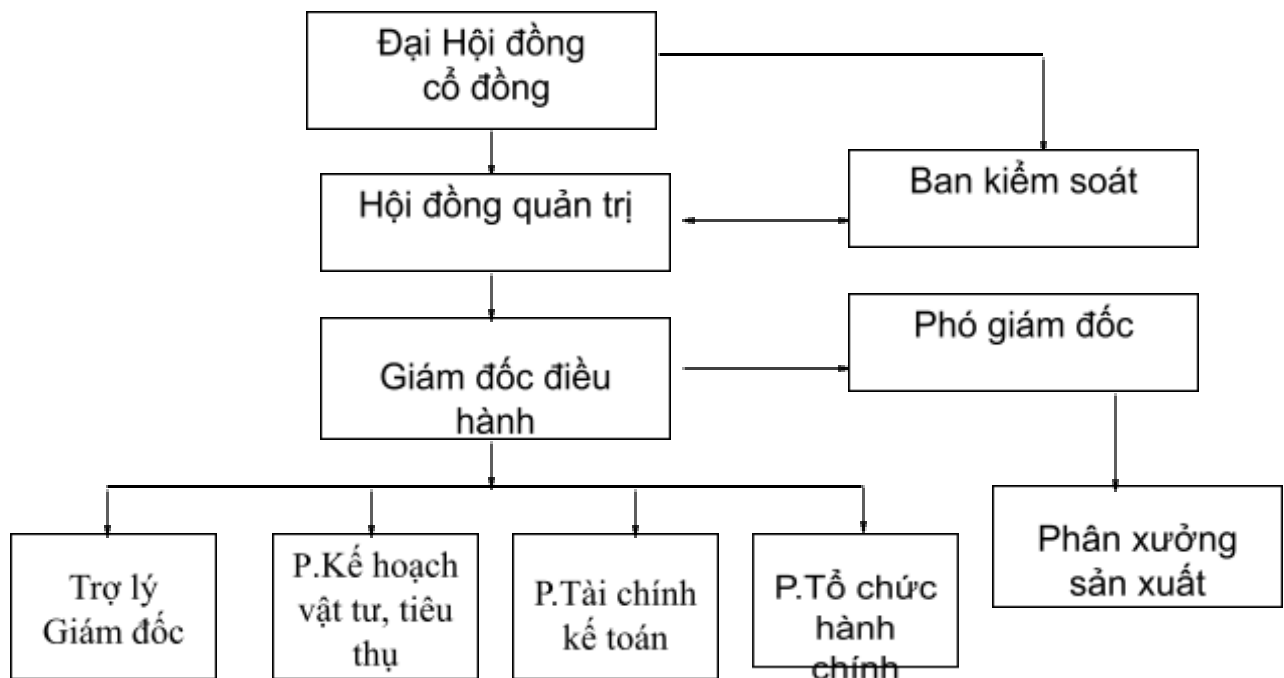
Công ty cổ phần giấy Lam Sơn tiền thân là Nhà máy giấy Lam Sơn được thành lập ngày 20/12/1948 đến nay đã được hơn 60 năm xây dựng và trưởng thành. Từ khi thành lập đến năm 1962 Công ty trực thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ. Trong những năm đầu Công ty sản xuất các loại sản phẩm giấy in, giấy in báo, giấy viết, giấy bao gói và vả giấy in bạc phục vụ kháng chiến chống Pháp và thực hiện kế hoạch Nhà nước giao.

Năm 1985 Công ty đầu tư thêm 01 dây chuyền sản xuất Carton sóng công suất 1.500tấn/năm sản xuất các loại hộp Carton tiêu thụ trực tiếp sản phẩm giấy của Công ty,

đến thời kỳ này sản phẩm của Công ty đã khá đa dạng: Giấy in, giấy viết, giấy bao gói Carton hộp sòng...

Sự đầu tư và phát triển sản xuất của Công ty liên tục tăng đáp ứng nhu cầu của thị trường. Năm 1992 Công ty đầu tư thêm máy xeo giấy khổ 1.092mm, sản xuất giấy bao bì công nghiệp phục vụ cho dây chuyền Carton sòng, cung cấp cho trường bao bì hộp. Thị phần và giá trị sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng một tăng, do nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, thị trường đòi hỏi chất lượng sản phẩm ngày càng cao nên các máy móc thể hệ cũ không còn đáp ứng thị trường. Vì vậy, năm 1995 Công ty đầu tư tiếp 1 máy xeo mới công suất 4.500tấn/năm. Năm 2000 đầu tư nâng cấp máy nghiền đĩa thay thế bớt máy nghiền kiểu Hà Lan để giảm chi phí sản xuất nâng cao chất lượng sản phẩm.

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý Công ty



- Sơ đồ(S2.1): Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý hiện tại

Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm bộ máy lãnh đạo, các phòng ban giúp việc lãnh đạo trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức sản xuất.

Bao gồm:

2.1.3.1- Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp ít nhất mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề được pháp luật và điều lệ Công ty quy định Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết. Bầu, miễn nhiệm, bãi

nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát bằng hình thức bỏ phiếu kín.

2.1.3.2- Hội đồng quản trị Công ty: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty (Trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông) Hội đồng quản trị của Công ty gồm có 03 thành viên, có nhiệm kỳ là 05 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2.1.3.3- Ban kiểm soát Công ty: Do Đại hội đồng bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt hoạt động quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát có 03 thành viên có nhiệm kỳ là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.

2.1.3.4- Giám đốc Công ty: Do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT

2.1.3.5- Phó giám đốc: Là người giúp việc cho Giám đốc.

- Phó Giám đốc được điều hành hoặc ký các văn bản hoặc chứng từ khi có giấy uỷ quyền của Giám đốc.

2.1.3.6- Trợ lý Giám đốc: Là người giúp việc cho Giám đốc, tổng hợp tình hình sản xuất, kế hoạch mua vật tư nguyên liệu, vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh.

2.1.3.7- Phòng Tổ chức:

Tham mưu giúp việc cho Giám đốc: Quản lý giám sát và hướng dẫn các phòng ban, phân xưởng trong Công ty thuộc các lĩnh vực sau:

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát phục vụ bữa ăn cơm ka cho người lao động. Thực hiện sắp xếp nhân viên công nhân lao động . Chế độ chính sách Nhà nước đối với cán bộ công nhân viên trong Công ty, trình Giám đốc phê duyệt và chịu trách nhiệm quản lý bộ phận Bảo vệ Công ty

2.1.3.8- Phòng Kế hoạch vật tư – tiêu thụ: Nghiên cứu xây dựng chương trình kế hoạch cho toàn Công ty, thiết lập mối quan hệ giữa Công ty với khách hàng, tham mưu cho Giám đốc về kế hoạch tiêu thụ, nhu cầu thị trường, thu tiền bán hàng cho công ty đầy

đủ đúng hạn.. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về việc cung cấp thông tin giá cả vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu cũng như chất lượng hàng hoá đầu vào.

2.1.3.9- Phòng Tài chính kế toán

Có nhiệm vụ hạch toán toàn bộ chi phí tài chính của Công ty, tổ chức công tác hạch toán chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo luật kế toán phù hợp với quy định của Nhà nước. Tổ chức giám sát các khoản thu chi, các nghĩa vụ thu nộp, thanh toán công nợ, kiểm tra việc sử dụng tài sản của Công ty. Theo dõi các chỉ tiêu định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu và cân đối tài chính theo chế độ hiện hành, và điều hoà vay vốn phục vụ cho sản xuất và kinh doanh của Công ty, xây dựng mức chi phí tiền lương.

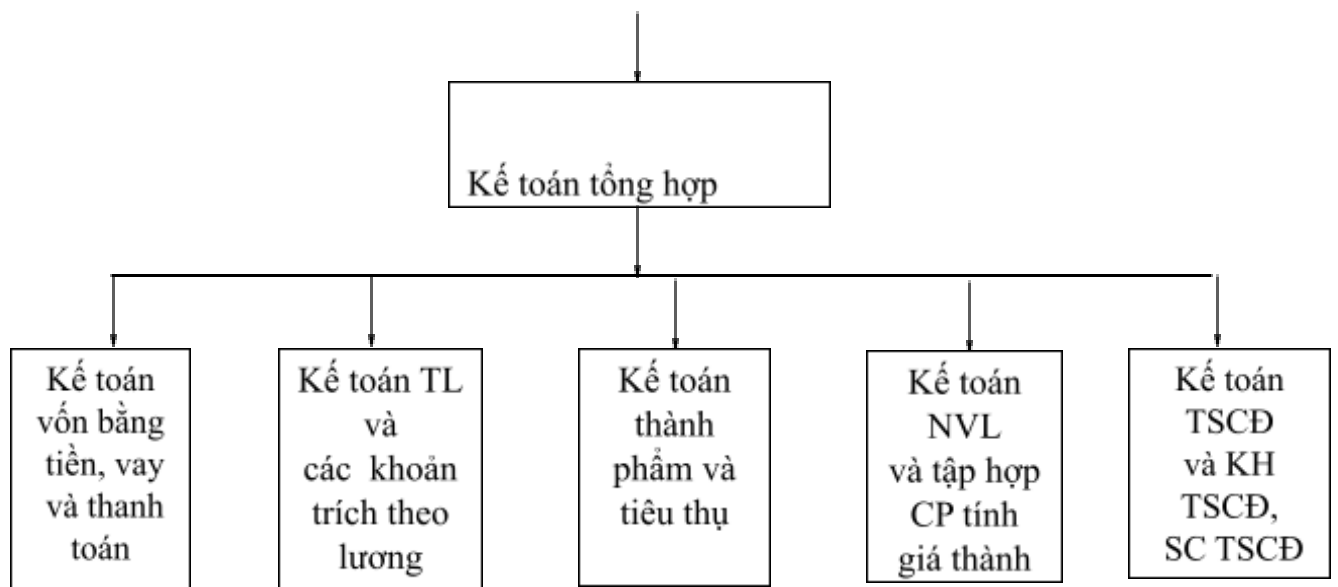
2.1.3.10- Phân xưởng sản xuất:

Chịu sự điều hành trực tiếp của phó Giám đốc phụ trách sản xuất, thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch, hàng tháng mà Giám đốc đã phê duyệt theo từng công đoạn được giao, áp dụng công nghệ, quy trình sản xuất của công ty, tiếp nhận kiểm tra chất lượng nguyên, nhiên, vật liệu đưa vào các công đoạn trong dây chuyền để khi sản xuất ra sản phẩm bảo đảm chất lượng hàng hoá theo yêu cầu, đảm bảo đúng định mức kinh tế kỹ thuật an toàn lao động và vệ sinh môi trường. Đề xuất với Giám đốc công ty khi có yêu cầu liên quan đến sản xuất.

2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán:

Công ty cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hoá là một công ty chuyên sản xuất các loại giấy Carton duplex, có đội ngũ nhân viên kế toán đã được đào tạo qua các trường Đại học, Cao đẳng kế toán. Để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của mình công ty đã vận dụng hình thức tổ chức kế toán tập trung, tức là các nhân viên kế toán tập trung về phòng kế toán. Đứng đầu bộ máy kế toán là kế toán trưởng trực tiếp quản lý các nhân viên của mình và chịu trách nhiệm trước Ban lãnh đạo Công ty . Mô hình bộ máy kế toán của công ty được thể hiện như sau

Kế toán trưởng



- Sơ đồ (S2.2) bộ máy kế toán Công ty CP giấy Lam Sơn

2.1.5.. Chức năng nhiệm vụ và nhiệm vụ của từng bộ phận

Các bộ phận chịu sự chỉ đạo trực tiếp và phân công của kế toán trưởng

2.1.5.1. Kế toán trưởng:

Là người giúp Giám đốc Công ty thực hiện toàn bộ công tác kế toán, thống kê tài chính ở Công ty, đồng thời thực hiện việc kiểm tra kiểm soát toàn bộ hoạt động tài chính ở Công ty, Kế toán trưởng chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Công ty.

2.1.5.2. Kế toán tổng hợp:

Giúp kế toán trưởng kiểm tra, vận hành chế độ kế toán, đơn đốc kiểm tra công tác hạch toán của từng phần hành kế toán, đồng thời là người theo dõi tổng hợp tất cả các phần hành kế toán.

2.1.5.3. Kế toán vốn bằng tiền, vay và thanh toán có nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Ghi chép phản ánh số hiện có và tình hình biến động của các khoản vốn bằng tiền (tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền vay tiền đang chuyển). của công ty.

2.1.5.4. Kế toán tài sản cố định, và khấu hao TSCĐ, sửa chữa TSCĐ có nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Ghi chép tổng hợp và chi tiết tài sản cố định, tăng giảm tài sản cố định
- Tính khấu hao TSCĐ, lập dự toán chi phí sửa chữa tài sản cố định.

2.1.5.5. Kế toán tiền lương các các khoản trích theo lương

- Tính lương và BHXH phải trả cho người lao động trong công ty
- Ghi chép tổng hợp quỹ tiền lương, quỹ BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ

2.1.5.6. Kế toán NVL và tập hợp chi phí tính giá thành

- Ghi chép kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết chi phí sản xuất trực tiếp phát sinh trong kỳ và tính giá thành sản xuất của sản phẩm, đánh giá sản phẩm dở dang.
- Ghi chép kế toán quản trị chi phí sản xuất trực tiếp và tính giá thành sản xuất của từng loại sản phẩm và giá thành đơn vị sản phẩm.

2.1.5.7. Kế toán thành phẩm và tiêu thụ

- Ghi chép kế toán tổng hợp và chi tiết thành phẩm tồn kho
- Ghi chép phản ánh doanh thu bán hàng và các khoản điều chỉnh doanh thu

2.1.6.. Chế độ kế toán áp dụng

- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Quyết định 15/2006/QĐ – BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính.
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/ 01/ N, kết thúc vào ngày 31/ 12/ N.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.
- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2.1.7. Các chính sách chủ yếu mà công ty sử dụng

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:
 - + Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc
 - + Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền
 - + Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên
- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:
 - + Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (HH, VH): TSCĐ ghi nhận theo giá gốc.

Trong quá trình sử dụng được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

- + Phương pháp khấu hao TSCĐ (HH, VH, TTC): Theo tỷ lệ khấu hao.

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

+Doanh thu bán hàng: Được ghi nhận tuân thủ đầy đủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu theo quy định tại CMKT số 14

+ Doanh thu CCDV: Được ghi nhận tuân thủ đầy đủ 4 điều kiện ghi nhận doanh thu theo quy định tại CMKT số 14

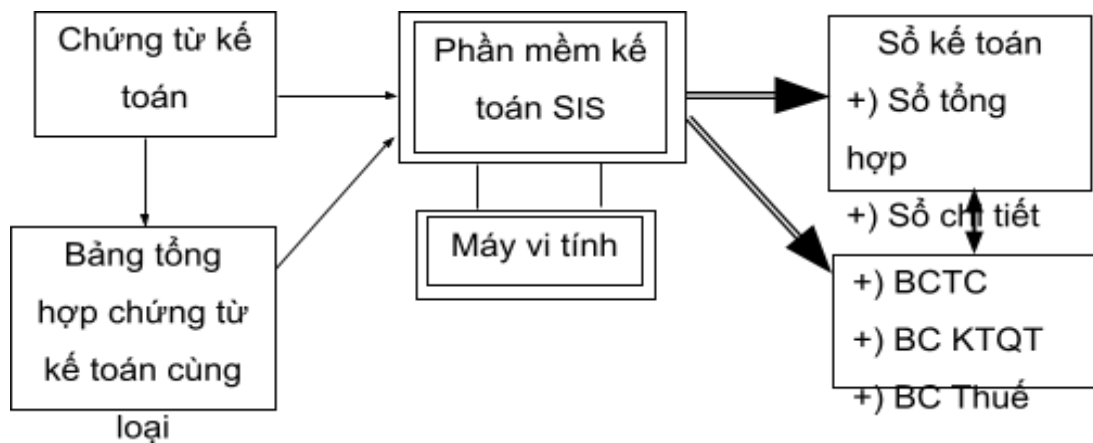
+ Doanh thu HĐTC: Được ghi nhận tuân thủ đầy đủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu HĐTC theo quy định tại CMKT số 14

2.1.8. Hình thức kế toán áp dụng tại công ty

Công ty Cổ Phần Giấy Lam Sơn Thanh Hoá áp dụng “**hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính**” với phần mềm kế toán SAS INNOVA 8.0, do Công ty Cổ phần SIS Việt Nam phát triển và ứng dụng tại phòng kế toán.

Phần mềm kế toán SAS INNOVA 8.0 phân thành các phân hệ riêng như: Cập nhật chứng từ gốc; cập nhật khấu hao TSCĐ; cập nhật phân bổ công cụ dụng cụ, chi phí; bảng kê, báo cáo thuế GTGT; báo cáo thu mua không hóa đơn, in phiếu thu; in phiếu chi; in phiếu nhập; in phiếu xuất; in hóa đơn bán hàng Bộ tài chính; mẫu ủy nhiệm chi; xem và in sổ quỹ; sổ kế toán.

Phần mềm được thiết kế dựa trên hình thức kế toán nhật ký chung nên các loại sổ của công ty bao gồm: Nhật ký chung, sổ cái, sổ nhật ký thu tiền chi tiền, các sổ chi tiết,



Ghi chú: —————> Nhập số liệu hàng ngày

—————> In sổ, báo cáo cuối quý, cuối năm

—————> Kiểm tra, đối chiếu

- Sơ đồ (S 2.3) : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy

Hàng ngày, kế toán căn cứ chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào các sổ tổng hợp (Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi

tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay

2.1.9. Tình hình nguồn lực tại doanh nghiệp từ năm 2010-2012

2.1.9.1 Tình hình tài sản và nguồn vốn

Tùy vào tính chất, đặc điểm của từng hoạt động sản xuất mà mỗi doanh nghiệp có một cơ cấu vốn và tài sản khác nhau. Dựa vào bảng tổng hợp tình hình tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp, ta có thể xem xét một số yếu tố ảnh hưởng đến tính hình biến động của tài sản và nguồn vốn trong 3 năm qua.

- Xét về tài sản:

+ Nguồn tiền trong doanh nghiệp năm 2011 giảm so với năm 2010 chỉ bằng 12%, tuy nhiên đến năm 2012 nguồn tiền này tăng 28,6 % so với năm 2011 tương ứng với số tiền 312.644.529 đồng.

+ Các khoản phải thu ngắn hạn năm 2011 tăng 70,5% tương ứng 6.457.692.391 đồng so với năm 2010, do doanh nghiệp chưa làm tốt công tác thu hồi nợ đối với khách hàng, năm 2012 tăng 2,3% so với năm 2011, công tác thu hồi nợ của doanh nghiệp chưa được khả quan, khách hàng chiếm dụng vốn lớn .

- Xét về nguồn vốn: Quy mô sản xuất kinh doanh mở rộng, nên doanh nghiệp phải đầu tư một lượng vốn lớn. Nhìn vào bảng phân tích, ta có thể thấy nguồn vốn của doanh nghiệp chủ yếu là đi vay. Khoản vay dài hạn đến hạn trả nên năm 2011 doanh nghiệp đã thực hiện chính sách vay ngắn hạn để trả nợ dài hạn tương đương 8.451.114.337 đồng năm 2012, đồng vay dài hạn và vay ngắn hạn tiếp tục tăng do doanh nghiệp tăng cường công tác thu mua nguyên vật liệu để dự trữ cho năm sau.

- Biểu (S2.1): Tình hình tài sản và nguồn vốn

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	2011/2010		2012/2011	
				+/ -	%	+/ -	%
A Tài sản	48.276.878.329	48.324.558.687	51.470.937.413	47.680.358	100,1	3.146.378.726	106,5
I. Tài sản ngắn hạn	24.691.261.576	24.518.282.926	28.301.144.821	(172.978.650)	99,3	3.782.861.895	115,4
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	9.088.439.939	1.092.272.882	1.404.917.411	(7.996.167.057)	12	312.644.529	128,6
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	9.164.906.668	15.622.599.059	15.984.730.920	6.457.692.391	170,5	362.131.861	102,3
3. Hàng tồn kho	6.437.914.969	7.568.622.783	10.898.728.490	1.130.707.814	117,6	3.330.105.707	144
4. Tài sản ngắn hạn khác		234.788.202	12.768.000	234.788.202		(222.020.202)	5,4
II. Tài sản dài hạn	23.585.616.753	23.806.275.761	23.169.792.592	220.659.008	100,9	(636.483.169)	97,3
1. Tài sản cố định hữu hình	23.269.427.776	23.446.259.292	22.805.754.193	176.831.516	100,8	(640.505.099)	97,3
2. Tài sản cố định vô hình	16.673.977	60.501.469	55.160.820	43.827.492	362,8	(5.340.649)	91,2
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	299.515.000	299.515.000	299.515.000		100		100
4. Tài sản dài hạn khác			9.362.579			9.362.579	
B. Nguồn vốn	48.276.878.329	48.324.558.687	51.470.937.413	47.680.358	100,1	3.146.378.726	106,5
I. Nợ phải trả	36.419.674.203	32.208.063.191	35.412.466.713	(4.211.611.012)	88,4	3.204.403.522	109,9
1. Nợ ngắn hạn	27.928.274.203	32.167.777.528	33.530.609.123	4.239.503.325	115,2	1.362.831.595	104,2
2. Nợ dài hạn	8.491.400.000	40.285.663	1.881.857.590	(8.451.114.337)	0,5	1.841.571.927	4.671,3
II. Nguồn vốn chủ sở hữu	11.857.204.126	16.116.495.496	16.058.470.700	4.259.291.370	135,9	(-58.024.796)	99,6
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	10.230.480.000	10.230.480.000	10.230.480.000		100		100
2. Vốn khác của chủ sở hữu + các quỹ	420.784.452	1.120.301.852	741.357.659	699.517.400	266,2	(378.944.193)	66,2
3. Lợi nhuận chưa phân phối	1.205.939.674	4.765.713.644	5.086.633.041	3.559.773.970	395,2	320.919.397	106,7

(Trích từ Báo cáo tài chính của doanh nghiệp)

- Năm 2011 doanh nghiệp làm ăn khá hiệu quả, nên vốn chủ sở hữu cũng được tăng lên, năm 2011 tăng 35,9% tương đương 4.259.291.370 so với năm 2010. Sang năm 2012 kinh tế thế giới và trong nước gặp nhiều khó khăn nên đã ảnh hưởng tới công tác sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp dẫn đến vốn chủ sở hữu không tăng mà có phần giảm xuống

2.1.9.2 Tình hình kết quả hoạt động kinh doanh

Qua bảng kết quả hoạt động kinh doanh, ta có thể thấy lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp năm 2011 so với năm 2010 tăng 8,8% tương ứng tăng 322.659.104 đồng, qua năm 2012 giảm so với năm 2011 chỉ bằng 26,2% Kết quả này được tạo ra do sự biến động của một số yếu tố sau:

+ Đối với khoản giá vốn hàng bán, năm 2011 so với năm 2010 khoản này tăng, độ tăng giá vốn hàng bán lớn hơn tốc độ tăng của doanh thu. Điều này là vì trong năm 2011 do một số mặt hàng đầu vào tăng cao như điện, nước,... và một số chi phí khác có liên quan phát sinh nhiều làm cho giá thành có sự biến động. Năm 2012 giá vốn hàng bán lại giảm xuống so với năm 2011 chỉ bằng 95,1% làm cho doanh thu cũng giảm theo chỉ bằng 92,8% do trong năm giá nguyên ,nhiên vật liệu đầu vào tăng nhưng giá bán lại không tăng.

+ Đối với các khoản chi phí tài chính, ta thấy năm 2011 so với năm 2010 giảm và bằng 93,7% .Năm 2012 giảm so với năm 2011 chỉ đạt 73,5 %, yếu tố này là do doanh chủ động được nguồn tiền vay ngắn hạn và thuộc diện được gia hạn thuế GTGT, giảm thuế TNDN. Trong năm doanh nghiệp cũng tiến hành trả nhiều các khoản lãi vay đến hạn. Tuy nhiên đến năm 2012 chi phí tài chính đã giảm xuống một cách rõ rệt điều này chứng tỏ doanh nghiệp đã có chính sách quản lý tốt các khoản vay để nhằm giảm thiểu tối đa chi phí này.

+ Đối với chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm 2012 so với năm 2011 và 2010 các chi phí này đều tăng qua các năm. Trong 3 năm qua doanh nghiệp đều không ngừng mở rộng quy mô kinh doanh,.. vì thế việc tuyển dụng mới các lao động đều đòi hỏi có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao đã làm cho quỹ lương của doanh nghiệp tăng làm cho chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mặt khác giá xăng dầu tăng dẫn đến chi phí cước vận tải tăng làm cho chi phí bán hàng tăng theo.

Tóm lại, trong 3 năm qua doanh nghiệp đã hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi đem lại lợi nhuận cho công ty, tạo công ăn việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động.

- Biõu (S2.2): tình hình kết quả hoạt động kinh doanh

Stt	Chỉ tiêu	2010	2011	2012	2011/2010		2012/2011	
					+/-	%	+/-	%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	86.652.241.063	112.876.785.190	104.768.746.450	26.224.544.127	130,3	(8.108.038.740)	92,8
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	342.102.673	392.880.740	1.262.154.640	50.778.067	114,8	869.273.900	321,3
3	Doanh thu thuần về BH và CC dịch vụ	86.310.138.390	112.483.904.450	103.506.591.810	26.173.766.060	130,3	(8.977.312.640)	92
4	Giá vốn hàng bán	70.209.354.925	92.725.452.272	88.206.199.514	22.516.097.347	132,1	(4.519.252.758)	95,1
5	Lợi nhuận gộp về BH và CC Dịch vụ	16.100.783.465	19.758.452.178	15.300.392.296	3.657.668.713	122,7	(4.458.059.882)	77,4
6	Doanh thu hoạt động tài chính	112.862.627	71.680.423	80.668.898	(41.182.204)	63,5	8.988.475	112,5
7	Chi phí tài chính	3.945.374.744	3.698.385.239	2.784.742.994	(246.989.505)	93,7	(913.642.245)	75,3
8	- Trong đó: Chi phí lãi vay	3.945.374.744	3.035.934.483	2.739.455.227	(909.440.261)	76,9	(296.479.256)	90,2
9	Chi phí bán hàng	4.770.698.661	5.751.335.726	5.805.618.520	980.637.065	120,6	54.282.794	100,9
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.119.137.872	5.476.049.722	5.516.520.827	2.356.911.850	175,6	40.471.105	100,7
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	4.378.434.815	4.904.361.914	1.274.178.853	525.927.099	112	(3.630.183.061)	26
12	Thu nhập khác	466.077.229	318.027.229	321.427.117	(148.050.000)	68,2	3.399.888	101,1
13	Chi phí khác	534.428.509	253.522.238	267.680.209	(280.906.271)	47,4	14.157.971	105,6
14	Lợi nhuận khác	(68.351.280)	64.504.991	53.746.908	132.856.271	(94,4)	(10.758.083)	83,3
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.310.083.535	4.968.866.905	1.327.925.761	658.783.370	115,3	(3.640.941.144)	26,7
16	Chi phí thuế TNDN	623.451.269	959.575.535	276.902.557	336.124.266	153,9	(682.672.978)	28,9
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	3.686.632.266	4.009.291.370	1.051.023.204	322.659.104	108,8	(2.958.268.166)	26,2

(Trích từ báo cáo tài chính của doanh nghiệp)

2.2.Thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh

2.2.1. Phương thức bán hàng và phương thức thanh toán.

Mặt hàng Công ty kinh doanh giấy các loại, bao bì và in trên bao bì, kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị nguyên liệu, vật liệu, hoá chất.

Về phương thức bán hàng: Công ty sử dụng *phương thức bán hàng giao tại nơi khách hàng*. Theo phương thức này, hàng được xuất c ồng ty sẽ c ịu trách nhiệm chịu trách nhiệm về số hàng hoá vận chuyển.

Về phương thức thanh toán: Chủ yếu bằng chuyển khoản và tiền mặt

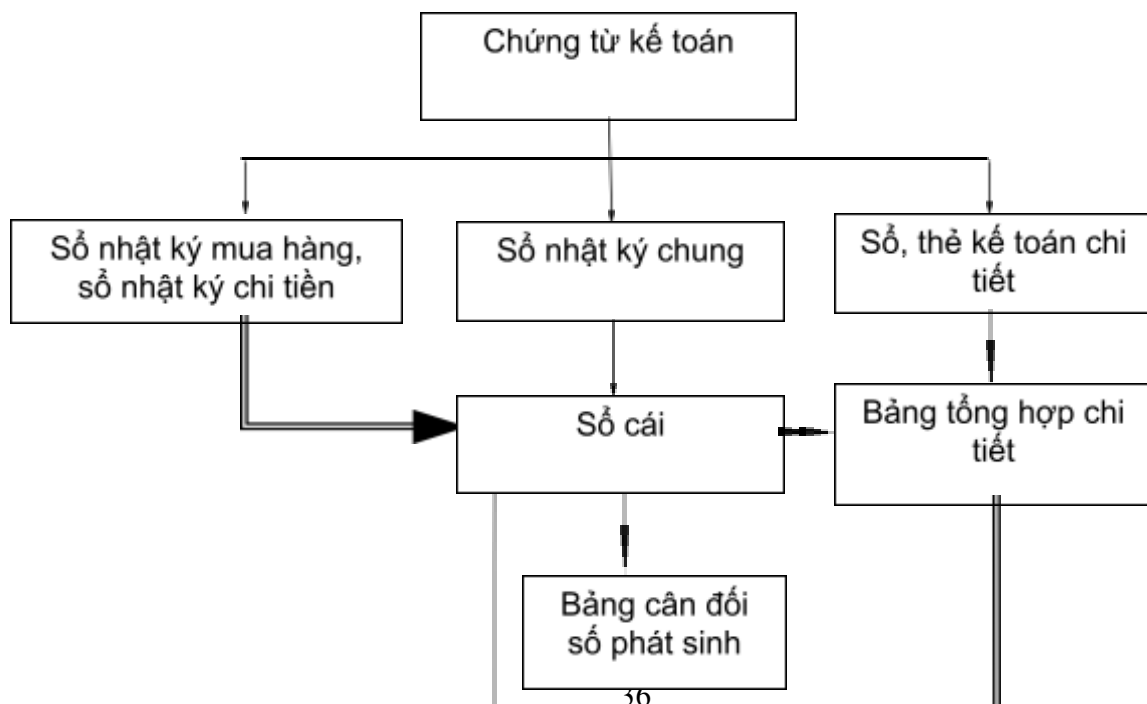
2.2.2. Các chứng từ sổ sách liên quan đến hạch toán kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

2.2.2.1. Chứng từ kế toán.

Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng của khách hàng, phiếu giao hàng, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, thẻ kho, phiếu thu, phiếu chi, giấy báo có, hoá đơn GTGT, bảng phân bổ tiền lương, bảng phân bổ khấu hao TSCĐ các chứng từ khác có liên quan

2.2.2.2. Quy trình luân chuyển chứng từ

Có thể khái quát quy trình hạch toán chi tiết doanh thu và xác định kết quả kinh doanh như sau:



Báo cáo tài chính

→ : Ghi hàng ngày

↑ : Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

← : Quan hệ đối chiều

- Sơ đồ(S2.4): Hình thức kế toán nhật ký chung

2.2.2.3. Sổ sách kế toán.

- Sổ nhật ký chung
- Sổ kế toán chi tiết
- Sổ cái

2.2.3. Thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của Công ty trong quý IV năm 2012.

2.2.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng.

* Chứng từ và tài khoản sử dụng

Chứng từ được sử dụng để làm cơ sở cho việc hạch toán doanh thu bán hàng tại công ty bao gồm: Đơn đặt hàng, hợp đồng kinh tế, phiếu xuất kho, phiếu giao hàng, hóa đơn GTGT, phiếu thu, GBC,...

TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

* Quy trình và phương pháp hạch toán

❖ Quy trình ghi sổ

Hàng ngày, khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu, căn cứ vào chứng từ gốc (đơn đặt hàng, hóa đơn GTGT, phiếu thu, GBC,...) kế toán tiến hành nhập vào máy tính. Để đơn giản trong quá trình hạch toán thì tất cả các trường hợp khách hàng thanh toán ngay hay chưa thanh toán, kế toán đều sử dụng tài khoản 131 làm tài khoản trung gian. Theo trình tự ghi sổ đã được cài đặt trên phần mềm kế toán SIS, số liệu sẽ được tự động cập nhật vào sổ chi tiết; sổ cái TK 511; bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng

hóa dịch vụ bán và các số liên quan của các TK như TK 131, 111, 112. Cuối quý, kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

❖ Phương pháp hạch toán

Ví dụ1: Ngày 05 tháng 10 năm 2012 Công ty Cổ phần giấy Lam Sơn Thanh hoá xuất bán cho Công ty cổ phần Sabeco Sông Lam - Nghệ An theo hóa đơn số 001005 với số lượng hàng hóa là 19.053 kg giấy cuộn, giá bán chưa thuế GTGT là 9.600 đ/kg, thuế suất 10%.

- Biểu (S2.3): Hoá đơn GTGT mua NVL

Hoá đơn GTGT		Mẫu số 01 GTKT3/001			
Liên 2: Giao khách hàng		AA/11P			
Ngày 05 tháng 10 năm 2012		Số: 00001005			
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hoá					
Địa chỉ: Xã Vạn Thắng – huyện Nông Công – tỉnh Thanh Hoá					
Số tài khoản:					
Điện thoại:		MST: 2800228740			
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần bao bì Sabeco – Sông Lam					
Địa chỉ: Số 3 - Trần Phú – TP Vinh Nghệ An					
Hình thức thanh toán: CK MST: 290078281					
STT	Tên hàng hoá dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Giấy cuộn	Kg	19.053	9.600	182.908.800
Cộng tiền hàng:					182.908.800
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			18.290.880
Tổng cộng tiền thanh toán:					201.199.680
<i>Số tiền (viết bằng chữ): (Hai trăm lẻ một triệu, một trăm chín chín nghìn, sáu trăm tám mươi đồng)</i>					

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào chứng từ xuất bán (hóa đơn GTGT) kế toán nhập vào máy tính theo định khoản:

Nợ TK 131	201.199.680
Có TK 511	182.908.800
Có TK 3331	18.290.880

GIẤY BẢO CỐ

Số lệnh: GBC21

Ngày lập: 06 tháng 10 năm 2012

Ký hiệu chứng từ và nội dung loại nghiệp vụ: 21 Lệnh chuyển có -1000 CT cho các TCKT

Ngân hàng thành viên gửi lệnh: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam

Ngân hàng thành viên nhận lệnh: Ngân hàng đầu tư và phát triển Thanh Hoá

Người trả/chuyển tiền: Công ty Cổ phần bao bì Sabeco – Sông Lam

Địa chỉ: Số 3 - Trần Phú – Thành phố Vinh - Nghệ An

Mã số thuế: 290078281

Tài khoản:

Người thụ hưởng: Công ty Cổ giấy Lam Sơn Thanh Hoá

Địa chỉ: Vạn Thắng – Nông Cống – Thanh Hoá

Mã số thuế: 2800228769

Tài khoản: 50110000000214 Ngân hàng đầu tư và PT Thanh Hoá

Nội dung chuyển tiền: Chuyển trả tiền mua giấy cuộn.

Số tiền: 201.199.680

Bằng chữ: (Hai trăm lẻ một triệu, một trăm chín chín nghìn, sáu trăm tám mươi đồng).

Kế toán

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm soát

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Khi khách hàng thanh toán tiền mua hàng, kế toán nhận được GBC số 21 của Ngân hàng đầu tư và phát triển Thanh Hoá. Căn cứ vào GBC số 21, kế toán nhập vào máy tính theo định khoản:

Nợ TK 112 201.199.680

Có TK 131 201.199.680

Ví dụ2: Ngày 06 tháng 12 năm 2012 Công ty Cổ phần giấy Lam Sơn Thanh hoá xuất bán cho Công ty cổ TNHH Dynapac (Hà Nội) theo hóa đơn số 001106 với số lượng hàng hóa là 1.832 kg giấy cuộn, giá bán chưa thuế GTGT là 9.400 đ/kg, thuế suất 10%. Đã thu tiền mặt.

- Biểu (S2.3): Hóa đơn GTGT mua NVL

Hóa đơn GTGT		Mẫu số 01 GTKT3/001			
Liên 2: Giao khách hàng		AA/11P			
Ngày 06 tháng 12 năm 2012		Số: 00001106			
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hoá					
Địa chỉ: Xã Vạn Thắng – huyện Nông Công – tỉnh Thanh Hoá					
Số tài khoản:					
Điện thoại:		MST: 2800228740			
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Dynapac (Hà Nội)					
Địa chỉ: Khu công nghiệp Sài Đồng B, quận Long Biên, TP Hà Nội					
Hình thức thanh toán: TM		MST: 0100902202			
STT	Tên hàng hoá dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Giấy cuộn	Kg	1.832	9.400	17.220.800
Cộng tiền hàng:					17.220.800
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			1.722.080

SỐ công chi tiết
Thống

GVHD: Họ Tên DiÖu

Tổng cộng tiền thanh toán: 18.942.880		
Số tiền (viết bằng chữ): (Mười tám triệu, chín trăm bốn hai nghìn, tám trăm tám mươi đồng)		
Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào hoá đơn GTGT kế toán lập phiếu thu tiền mặt

Đơn vị: Công ty CP giấy Lam sơn

Mẫu số 02 - TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính)

PHIẾU THU

Ngày 06 tháng 12 năm 2012

Quyển số: 02

Nợ 131: 18.942.880

Số: 41/12

Có 511: 17.220.800

Có 3331: 1.722.080

Họ tên người nộp tiền: Lê Xuân Nhân

Địa chỉ: Quận Long Biên – TP Hà Nội

Lý do nộp: tiền mua giấy cuộn cho Công ty TNHH Dynapac (Hà Nội)

Số tiền: 18.942.880 đồng

Viết bằng chữ: (Mười tám triệu, chín trăm bốn hai nghìn, tám trăm tám mươi đồng)

Kèm theo 01 chứng từ gốc:

Ngày 06 tháng 12 năm 2012

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nhận tiền
(Ký, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Căn cứ vào chứng từ xuất bán (hoá đơn GTGT) kế toán nhập vào máy tính theo định khoản:

Nợ TK 131	18.942.880
Có TK 511	17.220.800
Có TK 3331	1.722.080

Căn cứ vào phiếu thu kế toán nhập vào máy tính theo định khoản:

Nợ TK 111	18.942.880
Có TK 131	18.942.880

- Biểu (S2.18): Sổ nhật ký chung

Công ty cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hoá
Xã Vạn Thắng – huyện Nông Công – tỉnh Thanh Hoá

Mẫu số:S03a-DN
QĐ số 15/2006/QĐBTC
Ngày 20/3/2006 của BT-BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Quý IV năm 2012

ĐVT: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số PS	
	SH	Ngày			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
.....						
05/10	1005	05/10	Giấy cuộn	131 511 3331	201.199.680	182.908.800 18.290.880

06/10	21	06/10	Chuẩn trả tiền mua giấy	112 131	201.199.680	201.199.680
....						
06/12	1106	06/12	Giấy cuộn	131 511 3331	18.942.880	17.220.800 1.722.080
06/12	41	06/12	Nộp tiền mua giấy cuộn	111 131	18.942.880	18.942.880
....						
			Tổng cộng		65.309.514.800	65.309.514.800

Kế toán ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký, họ tên)

- Biểu (S2.21): Sổ cái TK 511

Công ty cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hoá
Xã Vạn Thắng – huyện Nông Cống – tỉnh Thanh Hoá

Mẫu số: S03b – DN
QĐ số 15/2006/QĐBTC
Ngày 20/03/2006 của BT- BTC

SỔ CÁI

TK511: DOANH THU BÁN HÀNG

Quý IV năm 2012

ĐVT: đồng

Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày		Trg	Dg		Nợ	Có
		Số dư 01/10/2012					
		Số PS quý IV/2012					
.....							

1005	5/10	Giấy cuộn			131		182.908.800
.....							
1106	02/12	Giấy cuộn			131		18.942.880
.....							
	31/12	K/c DT giảm giá			532	5.814.800	
	31/12	K/c DT HB trả lại			531	67.921.100	
	31/11	K/c doanh thu			911	32.581.021.500	
		Cộng PS quý IV/ 2012				32.654.757.400	32.654.757.400
		Số dư 31/12/2012					

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

2.2.3.2. Kế toán giá vốn hàng bán

* Chứng từ và tài khoản sử dụng

Các chứng từ sử dụng để hạch toán GVHB bao gồm: Phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT

TK 632 - Giá vốn hàng bán

a) Quy trình và phương pháp hạch toán

❖ Quy trình ghi sổ

Hàng ngày, khi nhận được các chứng từ xuất kho kế toán hàng hóa kiểm tra, đối chiếu chứng từ này với các chứng từ liên quan như đơn đặt hàng, hợp đồng kinh tế, hóa đơn GTGT,... Sau đó, tiến hành nhập số lượng thực xuất vào máy tính, theo phương pháp

bình quân gia quyền cuối kỳ, giá vốn của các loại hàng hóa sẽ được tính toán và hạch toán tự động vào cuối quý. Phần mềm kế toán tự động phân bổ vào sổ chi tiết TK 632, sổ cái TK 632. Cuối quý, kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

❖ Phương pháp hạch toán

Căn cứ vào Phiếu xuất kho số 12 ngày 05/10/2012 và hoá đơn GTGT số 0001005 xuất bán cho Công ty cổ phần Sabeco Sông Lam - Nghệ An , kế toán nhập chứng từ vào máy tính, nhập số lượng thực xuất của mặt hàng giấy cuộn. Cuối quý, kế toán thực hiện bút toán tính đơn giá bình quân cho mặt giấy cuộn, phần mềm máy tính sẽ tự động tính ra GVHB cho giấy cuộn theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ bán cho Công ty cổ phần Sabeco Sông Lam - Nghệ An như sau:

Phản ánh giá vốn hàng bán:

Nợ TK 632	170.898.231	(8.970 đ/kg x 19.053 kg)
Có TK 155	170.898.231	(8.970 đ/kg x 22.555,4 kg)

- Biểu (S2.10):Phiếu xuất kho NVL

Công ty cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hoá

Mẫu số: 02 – VT

Xã Vạn Thắng – huyện Nông Cống – tỉnh

QĐ số 15/2006/QĐ/CĐKT

Thanh Hoá

Ngày 20/03/2006 của BT- BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 05 tháng 10 năm 2012

Số: 12

Nợ TK: 632

Có TK: 155

Họ tên người nhận hàng: Công ty cổ phần bao bì Sabeco – Sông Lam

Địa chỉ: Số 3 - Trần Phú – TP Vinh Nghệ An

Lý do xuất kho: Xuất bán

SỐ công chi tiêu
Thùng

GVHD: Họ Tên Di Ổu

Xuất tại kho: Công ty CP giấy lam Sơn

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, SP, HH	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Giấy cuộn		Kg	19.053	19.053	8.970	170.898.231
	Cộng:			19.053	19.053	8.970	170.898.231

Tổng số tiền viết bằng chữ: (Một trăm bảy mươi triệu, tám trăm chín tám nghìn, hai trăm ba một đồng)

Ngày 05 tháng 10 năm 2012

Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Công ty cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hoá
Xã Vạn Thắng – huyện Nông Cống – tỉnh Thanh Hoá

Mẫu số:S03a-DN
QĐ số 15/2006/QĐBTC
Ngày 20/3/2006 của BT-BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Quý IV năm 2012

ĐVT: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số PS	
	SH	Ngày			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			

SỐ công chi tiết
Thùng

GVHD: Họ Tên DiÖu

....						
....						
....						
			Tổng cộng			

Kế toán ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký, họ tên)

- Biểu (S2.21): Sổ cái TK 632

Mẫu số: S03b – DN

*QĐ số 15/2006/QĐBTC
Ngày 20/03/2006 của BT- BTC*

Công ty cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hoá

**Xã Vạn Thắng – huyện Nông Cống – tỉnh
Thanh Hoá**

SỔ CÁI

TK632: GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Quý IV năm 2012

ĐVT: đồng

Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày		Trg	Dg		Nợ	Có

		Số dư 01/10/2012					
		Số PS quý IV/2012					
.....							
1005	5/10	Giấy cuộn			131		182.908.800
.....							
1106	02/12	Giấy cuộn			131		18.942.880
.....							
	31/12	K/c DT giảm giá			532	5.814.800	
	31/12	K/c DT HB trả lại			531	67.921.100	
	31/11	K/c doanh thu			911	32.581.021.500	
		Cộng PS quý IV/ 2012				32.654.757.400	32.654.757.400
		Số dư 31/12/2012					

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

2.2.3.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý .

2.2.3.4.1. Kế toán chi phí bán hàng.

2.2.3.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2.3.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Chương 3: Một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hoá.

3.1. Đánh giá ưu nhược điểm về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hoá.

3.2 Các kiến nghị nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hoá.

Công ty cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hoá

Mẫu số: 01 - VT

Xã Vạn Thắng – huyện Nông Cống – tỉnh

QĐ số 15/2006/QĐ/CĐKT

Thanh Hoá

Ngày 20/03/2006 của BT- BTC

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 05 tháng 12 năm 2012

Số: 377

Nợ TK: 152

Có TK: 111

Họ tên người giao hàng: Công ty cổ phần bao bì Sabeco Sông Lam

Theo HĐGTGT số 0000758 Ngày 05 tháng 12 năm 2012

Nhập tại kho: Vật tư, kim khí

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, SP, HH	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Lẻ sóng phế liệu		Kg	9000	9000	4.000	36.000.000
Cộng				9.000	9.000		36.000.000

Ờ c-ng chi tiỐt
Th-ng

GVHD: Hụ ThP DiỒu

Tiền thuế GTGT	3.600.000
Tổng cộng tiền thanh toán	39.600.000

Tổng số tiền bằng chữ: (Ba chín triệu, sáu trăm nghìn đồng)

Ngày 05 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu	Người giao hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>

- Biểu (S2.10):Phiếu xuất kho NVL

Công ty cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hoá

Mẫu số: 02 – VT

**Xã Vạn Thắng – huyện Nông Công – tỉnh
Thanh Hoá**

QĐ số 15/2006/QĐ/CĐKT
Ngày 20/03/2006 của BT- BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 05 tháng 12 năm 2012

Số: 375

Nợ TK: 621

Có TK: 152

Họ tên người nhận hàng: Lê Văn Nam Địa chỉ: bộ phận nghiên - PXSX

Lý do xuất kho: Phục vụ sản xuất

Xuất tại kho: Công ty CP giấy lam Sơn

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, SP, HH	Mã số	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
------------	---	--------------	------------	-----------------	----------------	-------------------

SỐ CÔNG CHI TIẾT
Thùng

GVHD: Họ Tên Di Ổu

				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Lẻ sóng phế liệu		Kg	8.000	8.000	4.010,5	32.084.000
	Cộng:			8.000	8.000		32.084.000

Tổng số tiền viết bằng chữ: (Ba hai triệu , tám tư nghìn đồng)

Ngày 05 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc
 (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên)

- Biểu (S2.18): Sổ nhật ký chung

Công ty cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hoá Mẫu số:S03a-DN
 Xã Vạn Thắng – huyện Nông Công – tỉnh Thanh Hoá QĐ số 15/2006/QĐBTC
 Ngày 20/3/2006 của BT-BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2012

ĐVT: 1,000đ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số PS	
	SH	Ngày			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
05/12	PNK377	05/12	Mua lẻ sóng PL chưa thanh toán thuế suất GTGT 10%	152 133 331	36.000 3.600	39.600

	PXK375	05/12	XK lẻ s-ớng cho bộ phận nghiền	621 152	32.084	32.084
06/12	PNK382	06/12	Mua quần áo bảo hộ bằng TM (Bao gồm cả cước V/c) thuế suất GTGT 10%	153 133 112	38.700 3.870	42.570
07/12	PXK379	07/12	XK quần áo bảo hộ cho bộ phận xeo giấy	6273 153	32.250	32.250
07/12	PC 16	07/12	Trả tiền điện sản xuất	6277 133 111	1.000 100	1.100
08/12	PNK383	08/12	Mua hộp giấy PL	152 133 112	26.600 2.660	29.260
08/12	PXK380	08/12	XK hộp giấy PL	621 152	22.875	22.875
08/12	PNK384	08/12	Mua nửa giấy chưa thanh toán	152 133 331	2.400 240	2.640
08/12	PXK381	08/12	XK nửa giấy	621 152	2.800	2.800
09/12	PNK385	09/12	Mua mũ bảo hộ bằng tiền mặt	153 133 111	6.000 600	6.600

09/12	PXK382	09/12	XK mũ bảo hộ	6273 153	8.000	8.000
10/12	PNK386	10/12	Mua gang tay caosu bằng TM	153 133 111	300 30	330
10/12	PXK383	10/12	XK gang tay cao su	6273 153	700	700
			Tổng cộng		220.809	220.809

Kế toán ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký, họ tên)

Phần III - Kết luận

Ngày 20 tháng 12 năm 2012

Giáo viên hướng dẫn

Người thực hiện

Hà Thi Di_{ệu} Th_{ương}

Vũ Th_ị Nhu_{ân}